

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

*Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty: Công ty cổ phần Sông Đà 11
- Tên Tiếng Anh: Song Da No11 Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà Hà Đông, Số 131 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội
- Giấy ĐKKD số: 0500313811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2023 (thay đổi lần thứ 20)
- Website: www.songda11.com.vn
- Email: songda11tckt@gmail.com
- Vốn điều lệ: 241.687.110.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần đăng ký niêm yết: 24.168.711 cổ phần (Hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm mười một cổ phần)
- Mã chứng khoán: SJE

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty CP Sông Đà 11 tiền thân là Đội điện, nước thuộc Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà từ năm 1961, trong quá trình hoạt động đã nhiều lần thay đổi tên gọi cho phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đến năm 2002 Công ty được đổi tên thành Công ty Sông Đà 11. Ngày 17/8/2004, Bộ Xây dựng có Quyết định số 1332/QĐ-BXD chuyển Công ty Sông Đà 11 thành Công ty cổ phần Sông Đà 11 và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

- Niêm yết chứng khoán: Ngày 04/12/2006 Công ty chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hiện nay, Công ty cổ phần Sông Đà 11 được đánh giá là một trong những Công ty hoạt động hiệu quả, năng động, đảm bảo uy tín và chất lượng trong lĩnh vực xây dựng các công trình đường dây tải điện và TBA trên cả nước.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính

+ Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500kv;

+ Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500kv;

+ Xây lắp hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp các kết cấu công trình; Quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị.

+ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về cơ khí;

+ Sản xuất điện: *Chi tiết: sản xuất điện bằng phương pháp: thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện mặt trời mái nhà; điện sinh khối.*

+ Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình, Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kim loại;

+ Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

+ Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;

+ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;

+ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết:

* Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác

* Bán buôn dầu thô

* Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan

* Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan

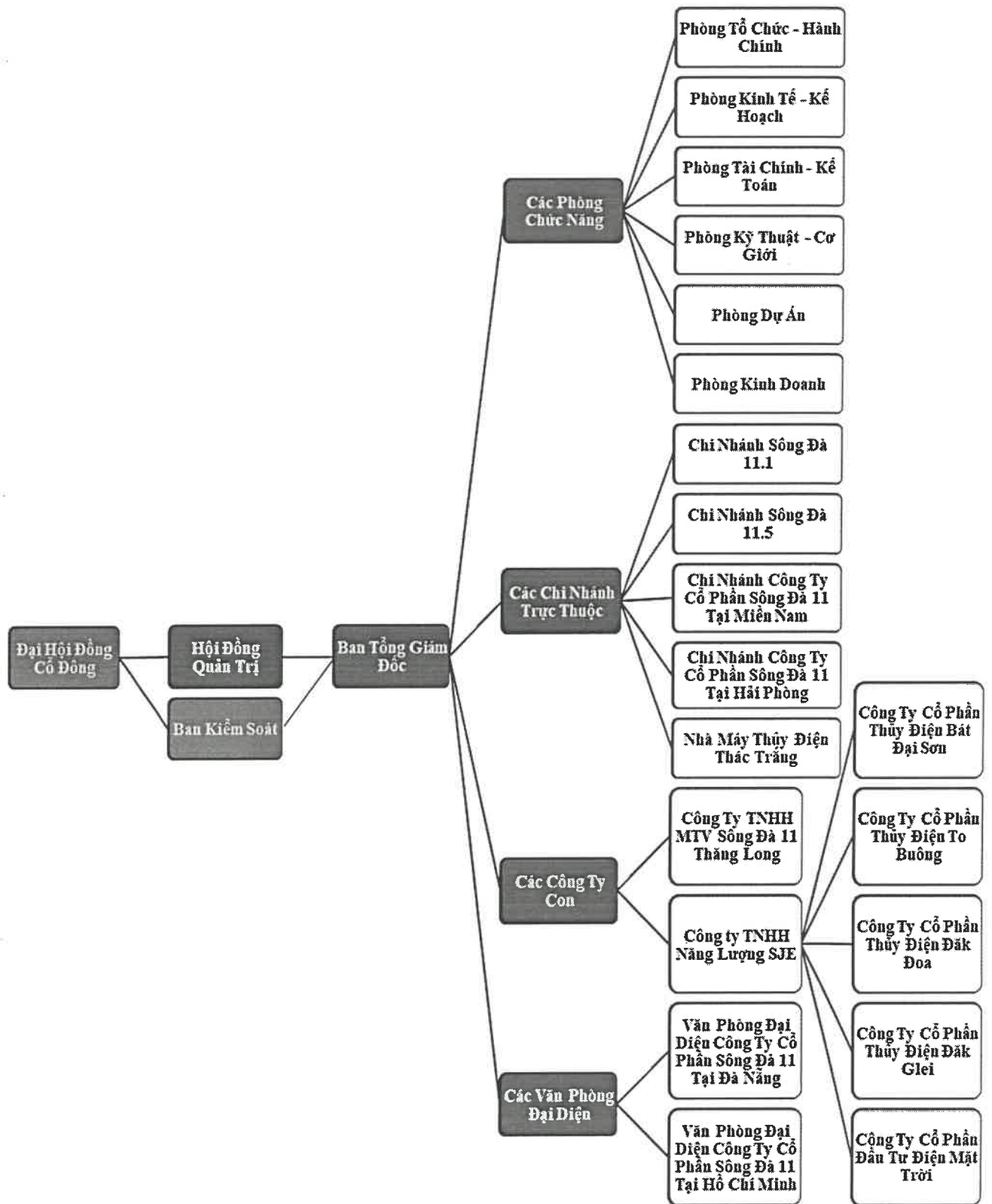
+ Kinh doanh các ngành nghề khác được pháp luật cho phép phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.

3.2. Địa bàn hoạt động

Qua hơn 60 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, ngày nay Công ty cổ phần Sông Đà 11 có địa bàn hoạt động rộng khắp các miền Bắc, Trung, Nam trên cả nước, đồng thời đã và đang từng bước mở rộng thị phần sang nước bạn như Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

4.1. Mô hình quản trị



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

✓ **Đại hội đồng cổ đông:** ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, các Báo cáo của HĐQT, của BKS;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

✓ **Hội đồng quản trị**

HĐQT chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty như sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

✓ **Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát công ty thực hiện các hoạt động giám sát công ty: giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác,...

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và Cổ đông.

- Kiểm soát việc ban hành các văn bản quản lý nội bộ.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- Thẩm tra Báo cáo tài chính các quý và cả năm;
- Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các quy chế quy định của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

✓ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh

doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;

- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng văn phòng đại diện;

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

✓ *Các phòng ban chức năng*

Các phòng ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

✓ *Các Chi nhánh, Nhà máy*

Trực tiếp tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây lắp các công trình, các hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

✓ *Các văn phòng đại diện*

Không trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện theo ủy quyền của Công ty CP Sông Đà 11. Là văn phòng trung gian chịu trách nhiệm liên lạc, giao dịch với các đối tác; thực hiện hoạt động nghiên cứu, cung cấp thông tin, hỗ trợ Công ty tiếp cận với thị trường và đối tác mới.

4.3. Các Công ty con:

a/ Trước thời điểm 30/10/2023, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đầu tư góp vốn vào sáu (06) Công ty con sau đây:

✓ *Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long:*

- Địa chỉ: BT03, Vị trí 24, Khu đô thị Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, buru điện; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghệ cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500kV,...

- Đến 30/10/2023, Công ty đầu tư số tiền 47.381.773.480 đồng, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long.

✓ *Công ty CP thủy điện To Bông*

- Địa chỉ: Bán Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn la

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện năng; xây dựng, lắp đặt, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ); Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm có cấp điện áp đến 500kV; Xây dựng các công trình viễn thông công cộng; công trình công nghiệp và dân dụng.

- Đến 30/10/2023 Công ty CP Sông Đà 11 đã đầu tư số tiền 57.250.000.000 đồng, nắm

giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn điều lệ của Công ty CP thủy điện To Bông.

✓ **Công ty CP thủy điện Bát Đại Sơn**

- Địa chỉ: Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang

- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; khai thác quặng sắt; xây dựng nhà các loại; buôn bán vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng; vận tải; sản xuất truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện năng; xây dựng, lắp đặt, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ);

- Đến 30/10/2023 Công ty CP Sông Đà 11 đã đầu tư số tiền 35.814.689.000 đồng, nắm giữ 3.568.576 cổ phiếu tương đương 57,03% vốn điều lệ của Công ty CP thủy điện Bát Đại Sơn.

✓ **Công ty CP thủy điện Đăk Đoa**

- Địa chỉ: Số nhà 138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; Sản xuất truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện năng; xây dựng, lắp đặt, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ); Đầu tư các khu công nghiệp, khu đô thị; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

- Đến ngày 30/10/2023 Công ty CP Sông Đà 11 đã đầu tư số tiền 66.942.942.240 đồng, nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty CP thủy điện Đăk Đoa.

✓ **Công ty CP thủy điện Đăk Glei**

- Địa chỉ: Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum

- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; Sản xuất truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện năng; xây dựng, lắp đặt, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ);

- Đến ngày 30/10/2023 Công ty CP Sông Đà 11 đã đầu tư số tiền 58.435.000.000 đồng, nắm giữ 5.843.500 cổ phiếu tương đương 89,9% vốn điều lệ của Công ty CP thủy điện Đăk Glei.

✓ **Công ty CP đầu tư điện Mặt Trời**

- Địa chỉ: Nha Mé, xã Phong Phú, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

- Đến ngày 30/10/2023, Công ty đã đầu tư số tiền 296.767.800.000 đồng, nắm giữ 28.490.000 cổ phiếu tương đương 99,96% vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư Điện Mặt trời.

b/ Sau thời điểm 30/10/2023, tình hình đầu tư vào các Công ty con tại Công ty cổ phần Sông Đà 11 như sau:

Theo Nghị quyết số 83/2023/NQ-HĐQT ngày 18/10/2023, Công ty cổ phần Sông Đà 11 góp vốn vào Công ty TNHH Năng Lượng SJE trụ sở tại tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, 131 Trần Phú, phường Văn Quán, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0110525401 ngày 30 tháng 10 năm

2023, thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 11 năm 2023 Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Chi tiết các khoản đầu tư chuyển giao như sau:

Đơn vị	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Thủy điện To Bằng	57.250.000.000	70,00%
Công ty CP Thủy điện Bát Đại Sơn	35.814.689.000	57,03%
Công ty CP Thủy điện Đắc Đoạ (1)	66.942.942.240	65,10%
Công ty CP Thủy điện Đắc Glei (2)	42.965.000.000	66,10%
Công ty CP Đầu tư Điện mặt trời	296.767.800.000	99,96%

- (1) Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và Công ty TNHH Năng Lượng SJE đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ 5.407.590 cổ phiếu tương đương 66.942.942.240 VND (mã chứng khoán: HPD được niêm yết trên sàn UPCOM). Do đó tại 31/12/2023, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ vẫn là Công ty con cấp 1 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11.
- (2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei được chuyển giao từ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho Công ty TNHH Năng Lượng SJE với 4.296.500 cổ phiếu tương đương 42.965.000.000 VND chiếm 66,1% tỷ lệ quyền biểu quyết và Công ty Cổ phần Sông Đà 11 nắm giữ 23,80% tỷ lệ quyền biểu quyết. Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei là công ty con cấp 2 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 với tỷ lệ quyền biểu quyết là 89,90%.

Cấu trúc các Công ty con tại đơn vị như sau:

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
B Các công ty con cấp 1					
1 Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xây dựng công trình điện	100,00%	100,00%	100,00%
2 Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
3 Công ty TNHH Năng Lượng SJE	Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông 131 đường Trần Phú Văn Quán Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	100,00%	100,00%	100,00%

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
C Các Công ty con cấp 2					
1 Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Túc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
2 Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	57,03%	57,03%	57,03%
3 Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	Làng Đắk Nhoong, xã Đắk Nhoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	89,90%	89,90%	89,90%
4 Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	Nha Mé, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,96%	99,96%	99,96%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tăng cường công tác quản trị trên mọi lĩnh vực, hoàn thiện mô hình quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh đồng bộ, tinh gọn đáp ứng triển khai thực hiện xây dựng các công trình đường dây tải điện và hệ thống điện nước, sản xuất công nghiệp, các nhà máy thủy điện, điện gió, điện mặt trời khác.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực thi công cốt lõi; Xây dựng và định hình các Chi nhánh, Đội xây lắp có tiềm lực, đảm bảo tính cơ động cao và đủ khả năng đảm nhận thi công các công trình có quy mô lớn và yêu cầu kỹ thuật cao.

- Đảm bảo ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu về thu nhập, đời sống của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút lao động có trình độ và tay nghề cao; tạo điều kiện và môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp để người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và cống hiến vì sự phát triển bền vững của Công ty.

- Đối với lĩnh vực thi công xây lắp, Tổng thầu xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng các công trình điện: Đây là ngành nghề kinh doanh chính của Công ty, do đó cần phải tập trung nguồn lực để tiếp thị đấu thầu và tổ chức thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình. Phấn đấu đến năm 2029 nằm trong Top 3 nhà thầu xây lắp, Tổng thầu xây lắp các công trình điện đến cấp điện áp 500kV.

- Đối với Tổng thầu xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng

lượng tái tạo: Trên cơ sở kế hoạch đầu tư, hợp tác đầu tư phát triển nguồn điện và kế thừa năng lực đã thi công các dự án của Công ty tham gia đấu thầu, chào giá các công trình, dự án thủy điện và năng lượng tái tạo. Từ đó gia tăng giá trị sản lượng xây lắp, làm chủ kỹ thuật thi công và tiến độ công trình.

- Đối với lĩnh vực thi công xây lắp hệ thống cấp, thoát nước và cấp ngầm đến cấp điện áp 220kV: Mở rộng quan hệ hợp tác, nỗ lực tìm kiếm công việc, mở rộng thị phần của Công ty phù hợp với năng lực. Từng bước đủ năng lực tham gia các gói thầu có quy mô lớn trong ngành.

- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm: Tổ chức vận hành hiệu quả Nhà máy thủy điện Thác Trắng, Nhà máy thủy điện To Buông - Đông Khùa, Nhà máy thủy điện Đăk Đoa, Nhà máy thủy điện Sông Miện, Nhà máy thủy điện Đăk Pru1, Nhà máy điện mặt trời Phong Phú. Việc vận hành khai thác có hiệu quả 6 nhà máy điện nêu trên là nhiệm vụ quan trọng, tạo nguồn thu ổn định hỗ trợ ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

- Đối với công tác kinh doanh thiết bị điện, than: Từng bước tiếp cận thị trường tiến tới là nhà thầu mạnh chuyên cung cấp thiết bị, nguyên liệu cho các nhà máy Nhiệt điện và cơ sở công nghiệp.

- Về dự án đầu tư: Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện vừa và nhỏ, điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối. Đầu tư, mua bán các dự án năng lượng tái tạo. Phân đấu đến năm 2029 sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp các nguồn phát điện khoảng 300MW.

5.2. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu giai đoạn 2024 - 2028 của toàn Tổ hợp Sông Đà 11

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, xét đến năng lực và các nguồn lực hiện có, toàn Tổ hợp Công ty CP Sông Đà 11 phấn đấu giá trị sản xuất kinh doanh đảm bảo tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước.

- Giá trị SXKD duy trì phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân 1-5% hàng năm giai đoạn 2024 - 2028 với giá trị 14.871 tỷ đồng.

- Doanh thu trong giai đoạn 2024 - 2028 với giá trị 12.342 tỷ đồng.

- Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bình quân khoảng 15% - 20%.

- Lợi nhuận trước thuế trong giai đoạn 2024 - 2028 đạt 2.328 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách nhà nước: 774 tỷ đồng

- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2028: 994 tỷ đồng

- Tổng tài sản đến 31/12/2028: 2.116 tỷ đồng

- Giá trị đầu tư: 2.295 tỷ đồng

- Đảm bảo mức cổ tức hàng năm từ 10% - 15%

- Thu nhập bình quân CBCNV/tháng: 16 triệu đồng.

Với cơ cấu ngành nghề như sau:

- Giá trị kinh doanh xây lắp điện: 78,8% tổng giá trị sản xuất kinh doanh;

- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm và vật liệu xây dựng: 8,3% tổng giá trị sản xuất kinh doanh;

- Kinh doanh khác: 13,9% tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

5.3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng và phát triển Công ty một cách toàn diện, với mục tiêu ngành nghề chiến lược chính là lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 500KV, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, cung cấp điện nước cho các công trình xây dựng thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm và sản xuất đá xây dựng; xây dựng các Nhà máy điện mặt trời, điện gió, điện năng lượng tái tạo... đến năm 2034 Công ty sẽ trở thành một trong những doanh nghiệp có quy mô hoạt động tinh gọn, hiệu quả và quản trị tiên tiến hàng đầu có năng lực Tổng thầu PC, EPC trong ngành xây lắp đường dây và trạm biến áp, cấp ngầm đến cấp điện áp 500kV, Tổng thầu các công trình năng lượng tái tạo đến 500MW;

- Tập trung đúng mức các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, ưu tiên các dự án điện mặt trời và điện gió, cùng với đó tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ, chuyển dịch mạnh mẽ tỷ trọng doanh thu sản xuất công nghiệp trong tổng doanh thu của Công ty, đến cuối năm 2034 Công ty trực tiếp đầu tư hoặc đầu tư thông qua các Công ty con, các Nhà máy phát điện có tổng công suất 100MW;

- Là một trong những nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu có năng lực và uy tín cung cấp cho các Nhà máy Nhiệt điện than, khí hóa lỏng;

- Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận và cổ tức cho các cổ đông;

- Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý với nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các công trình đang thi công trước mắt và hướng tới lâu dài kết hợp cùng chiến lược đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị, máy móc thi công với công nghệ tiên tiến;

- Phân đầu hàng năm tốc độ tăng trưởng từ 15% - 20%, dự kiến đến năm 2034 đạt giá trị doanh thu lên trên 10.000 tỷ đồng/năm.

6. Các rủi ro

- Rủi ro về kinh tế: Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô của nền kinh tế.

- Rủi ro về luật pháp: Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Luật Thuế Giá trị gia tăng. Bên cạnh đó là các Luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các Công ty trong lĩnh vực xây dựng gồm: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Đất đai,... Sự thay đổi trong hệ thống pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng sẽ tác động đến kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về dự án: Đặc thù của các sản phẩm xây lắp đường dây và trạm, hệ thống cấp thoát nước, thủy điện là tính đơn chiếc, nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các công trình thường kéo dài, vì thế thời gian bị chiếm dụng vốn dài. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến khi chậm thu hồi các khoản nợ hoặc khách hàng lớn của công ty bị phá sản.

- Rủi ro về cạnh tranh: Hiện nay, trên địa bàn cả nước có nhiều Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất kinh doanh điện, năng lượng tái tạo. Những Doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ chịu sức ép cạnh tranh trong quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế Quốc tế.

- Rủi ro khác: Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn)...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện kế hoạch SXKD 2023 trong điều kiện kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn do chính sách tài khóa, tiền tệ; tín dụng bị kiểm soát chặt chẽ; đấu thầu tìm kiếm việc làm ngày càng cạnh tranh gay gắt; công tác thi công xây lắp gặp rất nhiều khó khăn, rủi ro, phức tạp. Mặt khác, số lượng các dự án của EVN, NPT triển khai ít, nguồn vốn thanh toán chưa kịp thời nên giá trị dở dang, công nợ trong toàn Công ty còn lớn. Nhiều công trình đang triển khai thi công còn vướng mắc về công tác đền bù giải phóng mặt bằng, các dự án thi công kéo dài, giá gói thầu được phê duyệt thấp, lãi suất đi vay ngân hàng ngày càng cao ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty. Công tác tiếp thị đấu thầu gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh khốc liệt, đơn giá thấp, chế độ chính sách thay đổi. Tuy vậy, với sự quan tâm của các cổ đông, với sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cùng nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức chủ động tìm các giải pháp để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Cụ thể như sau:

Dvt: 10⁶ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ HT
1	Giá trị SXKD	473.500	377.757	80%
2	Doanh thu	441.363	380.497	86%
3	Lợi nhuận trước thuế	55.000	56.785	103%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	21.000	21.606	103%
5	Thu nhập bq/CBCNV	9.000	9.500	106%
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	15%	0	0

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
Ông Vũ Trọng Vinh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/10/2023
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Trước ngày 01/10/2023
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/08/2010
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 23/08/2018
Ông Phạm Văn Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 05/01/2023
Ông Bùi Thọ Sang	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 11/07/2023

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
Ông Lê Anh Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 22/01/2024
Ông Phan Ngọc Mạnh	Kế toán trưởng	Từ ngày 30/06/2022
Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty:		
✓ Ông Vũ Trọng Vinh - Tổng giám đốc (từ ngày 02/10/2023)		
- Giới tính:	Nam	
- Ngày sinh:	01/04/1960	
- Nơi sinh:	Đông Phong – Đông Hưng – Thái Bình	
- Quốc tịch:	Việt Nam	
- Dân tộc:	Kinh	
- Quê quán:	Đông Phong – Đông Hưng – Thái Bình	
- Địa chỉ thường trú:	P709 Tòa HUD3 – Nguyễn Trãi – Hà Đông – Hà Nội	
- Số CCCD:	034060002397 ngày cấp 12/04/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	
- Số điện thoại cơ quan:	0422 463 212	
- Trình độ văn hóa:	12/12	
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán	
- Quá trình công tác:		
- Từ 1982 - 1988:	Làm kế toán viên, kế toán tổng hợp, Phó kế toán trưởng, kế toán trưởng các Công ty thuộc Tổng công ty Sông Đà như Công ty CP Sông Đà 11, Công ty Sông Đà 3, Công ty tư vấn thiết kế Sông Đà, Công ty Sông Đà 15	
- Từ năm 1999 - 2001:	Phó phòng kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Sông Đà	
- Từ năm 2001 - 2023:	Phó Tổng giám đốc Công ty BOT thủy điện Cần Đơn	
- Từ năm 2004 - 2006:	Kế toán trưởng Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	
- Từ năm 2007 - 2009:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP thủy điện Nậm Chiến	

- Từ năm 2010 - 2011: Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và phát triển điện Tây Bắc
- Từ 2012 - 2016: Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư và phát triển điện Tây Bắc
- Từ 2017 - 2018: Trưởng ban quản lý dự án BOT hầm Phước Tượng Phú Gia
- Từ 2019 – 2020: Trưởng ban quản lý dự án thủy điện Nậm Lúc huyện Bắc Hà tỉnh Lào Cai
- Từ 2020 - 2022: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần năng lượng An Xuân tại Hà Nội
- Tháng 10/2022 đến tháng 09/2023: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP thủy điện SIMACAI tỉnh Lào Cai
- Tháng 10/2023 – đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11

Số cổ phần nắm giữ:

+ Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm Pháp luật: (Không)
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)
- ✓ Ông Lê Văn Tuấn - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (trước ngày 01/10/2023)
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/05/1970
- Nơi sinh: Hòa Lâm - Ứng Hòa - Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hòa Lâm - Ứng Hòa - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: SN38 Villa2 khu đô thị Hyundai P. Hà Cầu, Q. Hà Đông, TP Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 0422 463 212
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kỹ sư xây dựng, Th.sỹ QTKD

- Quá trình công tác:

- Tháng 8/1993 - Nhân viên Cty XL Năng lượng nay là Cty CP Sông Đà 11
- Tháng 01/1995: - Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch - CN Công ty Xây lắp Năng lượng tại Yaly, Trưởng P.Kinh tế kế hoạch Cty Năng lượng nay là Cty Sông Đà 11
- Tháng 02/1995 - Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch - CN Công ty Xây lắp Năng lượng tại Yaly, Trưởng P.Kinh tế kế hoạch Cty Năng lượng nay là Cty Sông Đà 11
- Tháng 06/2008: 02/2005 - TV HĐQT Công ty, Phó TGD CTCP Sông Đà 11, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Loi, TV HĐQT CTCP Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.
- Tháng 05/2010: 07/2008 - TV HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Sông Đà 11, TV HĐQT Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Loi.
- Tháng 05/2012: 05/2010 - TV HĐQT CTCP Sông Đà 11, TV HĐQT kiêm TGD CTCP Sông Đà 11 Thăng Long, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Loi.
- Tháng 06/2014: 05/2012- TV HĐQT kiêm TGD CTCP Sông Đà 11 Thăng Long, TV HĐQT CTCP Thủy điện Nà Loi.
- Tháng 30/9/23: 06/2014 – TV HĐQT kiêm TGD CTCP Sông Đà 11 TV HĐQT CTCP Sông Đà 11; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 5
- Từ tháng 09/2023 đến nay: ty Cổ phần Sông Đà 5

Số cổ phần nắm giữ:

- + Cá nhân nắm giữ: 99 cổ phần
- + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 2.200.000 cổ phần

- Hành vi vi phạm Pháp luật: (Không)
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: (Không)

✓ Ông Phạm Lạp - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Phạm Lạp
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 07/09/1963
- Số CMTND: 112374193, do CA Hà Tây cấp ngày 27/03/2007.
- Quê quán: Lê Lợi, Kiến Xương, Thái Bình
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt nam
- Địa chỉ thường trú: A38 TT12 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0422 146 472
- Trình độ văn hoá: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- Năm 1986 – 1989: Giáo viên trường Sĩ quan chỉ huy KT tăng thiết giáp
- Năm 1990 – 1993: Trưởng ban KTKH Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà
- Năm 1994 – 2003: Phó GD XN thuộc Công ty XL năng lượng Sông Đà
- Năm 2004 – 2006: GD XN trực thuộc Công ty XL năng lượng Sông Đà
- Năm 2007 – 2010: Tổng giám đốc Công ty cổ phần đô thị Sông Đà 11 (nay là Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà 11)
- Năm 2008 đến 2010: Chủ tịch HĐQT CTCP Sông Đà 11 – Thăng Long
- Năm 2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 11
- Từ tháng 8/2019 – 31/12/23: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thủy điện To Bùng
- Từ tháng 8/2019 – 01/04/2023: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Đăk Glei
- Từ tháng 5/2020 – 24/03/2023: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Đắc Đoạ
- Hiện cá nhân đang sở hữu: 56.028 cổ phần
- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không

✓ Ông Nguyễn Văn Hải - Phó Tổng giám đốc.

- Giới tính: Nam - Năm sinh: Ngày 17 tháng 5 năm 1967.
- CMTND số: 012192796 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/03/2014.
- Quê quán: Tứ Kỳ – Hải Dương.
- Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- ĐKTT: Số 10 TT Dụng cụ cắt và đo lường P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy.

Quá trình công tác:

- Từ năm 1995 - 1997: Đội phó đội lắp máy Công ty xây lắp năng lượng.
- Từ năm 1997 - 1998: Cán bộ phòng KT-KH Công ty Sông Đà 11.
- Từ năm 1999 – 2002: Trưởng ban nghiệp vụ Xí nghiệp 11.4 – Công ty Sông Đà 11.
- Từ năm 2002 – 2003: Trưởng phòng thị trường – Công ty Sông Đà 11.
- Từ năm 2003 – 2004: Phó giám đốc Xí nghiệp 11.4 – Công ty CP Sông Đà 11
- Từ năm 2004 – 2005: Trưởng phòng dự án – Công ty CP Sông Đà 11
- Từ năm 2005 – 2009: Giám đốc Chi nhánh Miền Nam – Công ty CP Sông Đà 11
- Từ năm 2009 – 2010: Trưởng phòng KT - KH - Công ty CP Sông Đà 11
- Từ năm 2010 – 2012: Giám đốc Xí nghiệp đá - Công ty CP Sông Đà 11

- Từ năm 2012 – T4/2018: Trưởng phòng KT- KH - Công ty CP Sông Đà 11
- Từ T4/ 2018 – đến nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Sông Đà 11
- Từ tháng 4/2020 – 25/12/2023: Thành viên HĐQT Công ty CP thủy điện Bát Đại Sơn
- Hiện cá nhân đang sở hữu: 14.410 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

✓ **Ông Phạm Văn Tuyên - Phó Tổng giám đốc.**

- Giới tính: Nam - Năm sinh: Ngày 02 tháng 5 năm 1984.
- CMTND số: 017326251 do Công an Thành phố Hà nội cấp ngày 01/11/2011.
- Quê quán: Nghĩa Lạc – Nghĩa Hưng – Nam Định.
- Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- ĐKTT: P1803 CT1B Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ngân hàng.

Quá trình công tác:

- Từ T12/2006 - T03/2008: Chuyên viên ban TCKT Xí nghiệp Sông Đà 5.04 - Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Từ T04/2008 – T04/2013: Phó giám đốc kiêm Trưởng ban tài chính kế toán Xí nghiệp Sông Đà 5.06 – Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Từ T05/2013 – T12/2013: Phó giám đốc kiêm Trưởng ban tài chính kế toán Xí nghiệp Sông Đà 5.08 – Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Từ T01/2014 – T04/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 5 kiêm thư ký Cty kiêm kế toán trưởng Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Sông Đà 5;
- Từ T04/2015 – T03/2016: Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty CP Sông Đà 5;
- Từ T04/2016 – T02/2018: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 5;
- Từ T05/2017 – T12/2018: Kế toán trưởng Công ty CP đầu tư và phát triển Điện Tây Bắc kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà Hoàng Long;
- Từ T02/2019 – đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Năng lượng An Xuân;
- Từ T01/2023 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty CP Sông Đà 11;
- Từ 30/10/2023 - đến nay: Ban kiểm soát Công ty TNHH Năng lượng SJE.
- Hiện cá nhân đang sở hữu: 248.000 cổ phần.
- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

✓ Ông **Bùi Thọ Sang** – Phó Tổng giám đốc (từ 11/7/2023)

- Họ và tên: Bùi Thọ Sang
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 26/05/1980
- Số CCCD: 034080001971 Cấp ngày 13/05/2020 Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Nơi sinh: Đông Sơn – Đông Hưng – Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Sơn – Đông Hưng – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Tổ 16 Cụm 2 Xuân La Tây Hồ Hà Nội
- Chỗ ở hiện nay: Số nhà 63, Ngọc Trai 8, Khu đô thị Vinhomes Ocean park, Đa Tốn Gia Lâm Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 0433 545 867
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ T5/2004 – T10/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án xây dựng Ngã 5 – Sân bay Cát Bi, Hải Phòng chức vụ Nhân viên

- Từ T10/2008 – T12/2010: Công tác tại Công ty môi trường đô thị Hải Phòng - Chức vụ Trợ lý Giám đốc.

- Từ T12/2010 – T9/2011: Công tác tại Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng Chức vụ Chuyên viên.

- Từ T10/2011 – T6/2015: Công tác tại Công ty cổ phần đầu tư Vietasset chức vụ Phó Tổng giám đốc.

- Từ T7/2015 – T4/2021: Công tác tại Công ty CP thương mại và phát triển xây dựng Thuận An. Chức vụ Phó Tổng giám đốc

- Từ T4/2021 – T2/2023: Công tác tại Công ty CP VNECO – RME Chức vụ Tổng giám đốc

- Từ T3/2023 – T7/2023: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long.

- Từ T7/2023 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 11.

- Số cổ phần trực tiếp sở hữu: 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

✓ Ông **Lê Anh Trình** - Phó Tổng giám đốc (Từ 22/01/2024)

- Giới tính: Nam - Năm sinh: Ngày 02 tháng 10 năm 1977.
- Số CCCD: 019077000093 cấp ngày 24/08/2021 do Cục quản lý HC về TT xã hội cấp.
- Quê quán: Tân Học – Thái Thụy – Thái Bình
- Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- ĐKTT: Tổ 27 Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 1996: Đi nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Lữ đoàn 210 -QK1
- Từ 1996 – 2001: Sinh viên trường Đại học xây dựng Hà Nội;
- Từ 2001 – 2019: Công tác tại Công ty CP đầu tư và xây lắp Tây Hồ;
- Từ 2020 – T01/2024: Lao động tự do;
- Từ T1/2024 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 11
- Hiện cá nhân đang sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

✓ ***Ông Phan Ngọc Mạnh –Kế toán trưởng Công ty***

- Họ và tên: Phan Ngọc Mạnh
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 31/03/1979
- Số CCCD: 035079000284 do Cục CSĐK QLCT và Quản lý Quốc gia về dân cư cấp ngày 30/11/2015.

- Nơi sinh: Tân Sơn - Kim Bảng - Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Sơn - Kim Bảng - Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 14.10 CT3B, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 0433 545 867
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán, Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng.

Quá trình công tác:

- Từ năm 2001 - 2002: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Sông Đà 11;
- Từ 2002 - 2004: Trưởng ban TCKT XN Sông Đà 11.6 - Công ty CP Sông Đà 11;
- Từ 2004 - 05/2008: Trưởng ban TCKT XN Sông Đà 11.1 - Công ty CP Sông Đà 11;

11/11/2023

- Từ 06/2008 – 10/2010: Kế toán trưởng Công ty CP Đô Thị Sông Đà 11 (sau đổi tên là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11);
- Từ 11/2010 - 07/2016: Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 11; Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây lắp dịch vụ Sông Đà;
- Từ 08/2016 – 06/2019: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long;
- Từ 07/2019 – 06/2022: Phó Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 11;
- Từ 06/2019 – 01/04/2023: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Đak Đoa;
- Từ 07/2022 – 18/12/2023: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Đăk Glei;
- Từ 06/2022 – đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 11.
- Số cổ phần trực tiếp sở hữu: 3.667 cổ phần
- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2.2. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS, Kế toán trưởng

- Trong năm 2023, Công ty cổ phần Sông Đà 11 có sự thay đổi về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng cho đến ngày lập báo cáo như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (trước ngày 31/3/2023)
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
Ông Đào Việt Hùng	Thành viên
Ông Phạm Minh Ngọc	Thành viên (trước ngày 31/03/2023)
Ông Bùi Đức Thuận	Thành viên (từ ngày 31/03/2023)
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên (từ ngày 31/3/2023)

Ban kiểm soát

Ông Bùi Quang Chung	Trưởng ban
Ông Trịnh Trọng Hùng	Thành viên
Ông Đoàn Hải Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Trọng Vinh	Tổng Giám đốc (từ ngày 02/10/2023)
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc (đến ngày 30/9/2023)
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng giám đốc

Ông Phạm Văn Tuyên

Phó Tổng giám đốc

Ông Bùi Thọ Sang

Phó Tổng giám đốc (từ ngày 11/7/2023)

Ông Lê Anh Trinh

Phó Tổng giám đốc (từ ngày 22/1/2024)

Kế toán trưởng

Ông Phan Ngọc Mạnh

Kế toán trưởng

2.3. Chính sách đối với người lao động

Tại ngày 31/12/2023 toàn Tổ hợp Công ty Cổ phần Sông Đà 11 có 538 cán bộ công nhân viên, Công ty chúng tôi theo đuổi và thực hiện chính sách đối với người lao động như sau:

- Xác định rõ con người là nhân tố quan trọng, quyết định đến sự phát triển và lợi thế cạnh tranh, do đó Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Thực hiện tốt việc tổ chức thi tuyển theo tiêu chuẩn, quy chế tuyển dụng, có chế độ đãi ngộ thu hút chuyên gia về với Công ty;

- Công tác cán bộ: Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ trong nội bộ một cách hợp lý nhất nhằm đảm bảo phát huy cao nhất trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của CBCNV;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng tinh giảm tối đa, sắp xếp, biên chế theo chức năng, nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh; Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cụ thể đối với từng chức danh quản lý, kỹ thuật và công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh;

- Các cán bộ công nhân viên được đào tạo theo chương trình ngắn hạn, nội dung đào tạo nghiệp vụ tư vấn giám sát, quản lý đội trưởng, chỉ huy trưởng công trình, đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng, chứng chỉ nghề... Trong năm 2023, Công ty đã cử 15 cán bộ tham gia đào tạo cấp chứng chỉ an toàn vệ sinh lao động, 28 cán bộ tham gia chương trình đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ ISO 9001:2015, 25 công nhân lao động phổ thông tham gia chương trình đào tạo nghề điện;

- Công tác tuyển dụng: Trong năm căn cứ vào khối lượng công việc nhu cầu nhân lực, Công ty đã cân đối giữa các đơn vị và có kế hoạch tuyển dụng lao động. Số lao động được tuyển dụng đảm bảo chất lượng và yêu cầu công việc, tỷ lệ lao động trực tiếp, gián tiếp vẫn đảm bảo được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do tính chất công việc ngành nghề nặng nhọc, nguy hiểm, biến động, thu nhập còn hạn chế nên việc tuyển dụng lao động trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn. Công ty chỉ tuyển dụng thêm 21 người trong đó có 11 cán bộ khoa học nghiệp vụ và 10 công nhân kỹ thuật;

- Đảm bảo đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Đảm bảo đời sống CBCNV trên các công trình với thu nhập bình quân 9,5 triệu đồng/người/tháng;

- Có chế độ khen thưởng và kỷ luật hợp lý: Bao gồm việc khen thưởng xứng đáng cho những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao, có những sáng kiến đem lại lợi ích cho Công ty nhằm động viên, khuyến khích cán bộ công nhân viên trong Công ty phát huy năng lực của mình trong công việc. Đồng thời cũng có những kỷ luật đủ để răn đe ngăn ngừa những hành

động làm phương hại đến Công ty;

- Công việc hỗ trợ hoạt động: Cùng với phong trào thi đua lao động sản xuất, hàng tháng, hàng quý đã tổ chức tốt các hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ làm phong phú thêm đời sống tinh thần trong cán bộ công nhân viên góp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm của Công ty. Trong năm 2023, cán bộ công nhân viên đơn vị tham gia hội diễn văn nghệ quần chúng của Tổng Công ty Sông Đà chào mừng đại hội Công đoàn ngành xây dựng Việt Nam đã đạt giải nhì toàn Tổng Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Đầu tư dự án:

a) Đối với dự án NCNL thi công, quản lý điều hành:

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng quy trình, đáp ứng yêu cầu SXKD. Trong năm 2023, công ty đã thực hiện việc kiểm tra, rà soát các thiết bị phục vụ thi công tại các công trình, cân đối điều chỉnh hợp lý và xác định cần phải đầu tư mạnh hơn nữa để đáp ứng yêu cầu các công trường lớn với tiến độ thi công gấp rút cũng như đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cạnh tranh.

b/ Hoạt động đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh:

- Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh: Trong năm, Công ty đã tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với chiến lược kinh doanh và năng lực tài chính của công ty.

3.2. Đầu tư góp vốn vào Công ty con: (Như mục 4.3 Phần I)

4. Tình hình tài chính (theo báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2023):

4.1. Tình hình tài chính:

Đvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
				Số tiền	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị tài sản	1.052.416.581.794	980.241.241.422	72.175.340.372	7,36%
2	Doanh thu thuần	380.497.837.354	520.278.466.307	-139.780.628.953	-26,87%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	65.163.331.364	46.121.883.168	19.041.448.196	41,29%
4	Lợi nhuận khác	-8.377.992.208	24.404.668.747	-32.782.660.955	-134,3%
5	Lợi nhuận trước thuế	56.785.339.156	70.526.551.915	-13.741.212.759	-19,48%
6	Lợi nhuận sau thuế	56.785.339.156	64.863.450.097	-8.078.110.941	-12,45%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	0%	10%	0%	0,00%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
1	Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,31	1,30
-	Hệ số thanh toán nhanh	1,09	0,72
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,36	0,36
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,56	0,57
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
-	Vòng quay hàng tồn kho	3,93	4,64
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,64	0,53
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,15	0,12
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,10
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,07
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,17	0,09

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phần)
1	Tổng số cổ phần phát hành	24.168.711
2	Tổng số cổ phần đang lưu hành	24.168.711
3	Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng	24.168.711
4	Cổ phiếu quỹ	0

5.2. Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách cổ đông do VSD lập ngày 29/01/2024)

TT	Nội dung	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo tỉ lệ sở hữu	24.168.711	100,00%
1	Cổ đông lớn	16.901.540	69,93%
-	Công ty CP ENERGY Việt Nam	12.805.580	52,98%
-	Tổng công ty Sông Đà - CTCP	4.095.960	16,95%
2	Cổ đông nhỏ	7.267.171	30,07%
II	Phân theo cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	24.168.711	100,00%

1	Cổ đông tổ chức	16.902.173	69,93%
-	11 cổ đông sở hữu	16.902.173	69,93%
2	Cổ đông cá nhân	7.266.538	30,07%
III	Phân theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	24.168.711	100,00%
1	Cổ đông trong nước	24.062.349	99,56%
2	Cổ đông nước ngoài (15 cổ đông)	106.362	0,44%
IV	Phân theo cổ đông nhà nước và cổ đông khác	24.168.711	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	4.095.960	16,95%
-	Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	4.095.960	16,95%
2	Cổ đông khác	20.072.751	83,05%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0
	TỔNG SỐ CỔ PHẦN	24.168.711	100,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31/3/2023.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu như sau:

Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn cổ phần thường	
	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Energy Việt Nam	128.055.800.000	-
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	40.959.600.000	37.236.000.000
Các cổ đông khác	72.671.710.000	182.482.260.000
Cộng	241.687.110.000	219.718.260.000

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5. Các chứng khoán khác: không

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

Đvt: Triệu đồng

T	Chỉ tiêu	KH năm 2023	TH năm 2023	TH/KH (%)
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	473.500	377.757	80%
2	Doanh thu	441.363	380.497	86%

3	Lợi nhuận trước thuế	55.000	56.785	103%
4	Nộp nhà nước	21.000	21.606	103%
5	Thu nhập bình quân người/tháng	9.000	9.500	106%
6	Dự kiến chia cổ tức	15%	0	0%

Đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2023:

✓ Về hoạt động thi công xây lắp:

- Để đáp ứng yêu cầu tiến độ của các công trình năm 2023 của Chủ đầu tư, ngay từ đầu năm Ban lãnh đạo Công ty đã tìm mọi biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công tại các công trình, hoàn thành đưa vào đóng điện 02 công trình: ĐZ 220kV Bắc Quang ngày 30/7/2023 và ĐZ 110kV Bắc Quang ngày 22/10/2023; Quyết toán xong các công trình ĐZ 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; ĐZ 110kV Hưng Yên - Hòa Mạc; ĐZ 220kV đấu nối số 2; ĐZ 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân;

- Tuy nhiên, trong năm 2023 một số công trình còn vướng mắc mặt bằng, việc tổ chức thi công của các đơn vị còn nhiều hạn chế nên nhiều công trình kéo dài ảnh hưởng đến mục tiêu tiến độ và hiệu quả SXKD của đơn vị cụ thể: ĐZ 110kV Kỳ Sơn - Lương Sơn; ĐZ 500kV Đức Hòa - Chơn Thành; ĐZ 220kV Củ Chi rẽ Chơn Thành - Đức Hòa; ĐZ 220kV Bát Xát - Lào Cai; ĐZ 110kV Đa Nhim - Hạ Sông Pha - Tháp Chàm làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

✓ Sản xuất điện thương phẩm:

Do thời tiết không thuận lợi, không có mưa, lượng nước về hồ thấp nên năm 2023 sản lượng điện thực hiện của các nhà máy khu vực phía Bắc đều không đạt kế hoạch đề ra cụ thể là:

- Nhà máy thủy điện Thác Trắng thực hiện 11,7/16 triệu KWh đạt 73% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện Đăk Đoa thực hiện 45/37,9 triệu KWh đạt 119% kế hoạch năm;
- Nhà máy TĐ Sông Miện thực hiện 18,3/23,9 triệu KWh đạt 76% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện To Buông và Đông Khùa thực hiện 30,9/35,9 triệu KWh đạt 86% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện Đăk Pru1 thực hiện 26,6/22,1 triệu KWh đạt 120% kế hoạch năm;
- Nhà máy điện mặt trời Phong Phú thực hiện 65,7/67 triệu Kwh đạt 98% KHN;

✓ Công tác tiếp thị đấu thầu:

- Xác định năm 2023 là năm đầy thử thách và khó khăn đối với các doanh nghiệp xây lắp nên ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động tham gia nộp hồ sơ dự thầu với nhiều chủ đầu tư (với 33 công trình tham gia và giá trị bỏ thầu là 2.286,3 tỷ đồng) và đã trúng thầu, ký hợp đồng 10 công trình với giá trị là 573 tỷ đồng đạt 25,06% trên giá trị bỏ thầu và đạt 127% kế hoạch đấu thầu năm 2023 (573 tỷ/450 tỷ) và 04 công trình đang chờ kết quả với giá trị là 147,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, công tác tiếp thị đấu thầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn do các dự án lớn của ngành điện trong năm rất ít, chủ yếu là các dự án nhỏ lẻ giá trị thấp, các gói thầu áp dụng bỏ thầu qua mạng nên đối thủ cạnh tranh nhiều và bỏ thầu giá trị thấp, nhiều gói thầu PC giá vật tư biến động lớn ảnh hưởng đến giá dự thầu và khả năng trúng thầu tại đơn vị.

- Do sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong công tác đấu thầu các dự án xây lắp và để ổn định, phát triển Công ty và tìm kiếm lợi nhuận trong những năm tiếp theo, cần tiếp tục tăng cường nghiên cứu và đẩy mạnh công tác đầu tư mở rộng các lĩnh vực ngành nghề mới để đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV.

✓ *Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:*

- Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 qua đó đã tiến hành sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với tình hình mới;

- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 30/9/2023 và các Nghị quyết của HĐQT Công ty đến nay, Công ty đã hoàn thành việc thành lập Công ty TNHH năng lượng SJE và đang tiến hành các công việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long thành Công ty cổ phần. Trong thời gian tới căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty sẽ tiến hành chuyển đổi các hoạt động Chi nhánh trực thuộc Công ty CP Sông Đà 11 thành các Công ty TNHH MTV hoặc Công ty cổ phần đảm bảo tính linh hoạt và hiệu quả;

- Quyết định phân giao quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại các đơn vị đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động của từng đơn vị;

- Mở rộng mô hình liên danh, liên kết để thực hiện các dự án nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

✓ *Công tác kinh tế kế hoạch:*

- Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý nội bộ theo các quy chế và quy định do Công ty ban hành, đặc biệt là trong công tác quản lý hợp đồng kinh tế, vật tư, tài chính. Công tác báo cáo kế hoạch định kỳ đầy đủ và thực hiện công bố thông tin về kế hoạch, tài chính theo đúng quy định của Nhà nước;

- Tập trung chỉ đạo các phòng ban Công ty, các đơn vị trực thuộc phối hợp bám sát các Chủ đầu tư, các địa phương có công trình đang thi công để giải quyết các tồn tại, vướng mắc, hoàn thành đúng tiến độ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thanh quyết toán các công trình. Tuy nhiên, ở một số đơn vị, công tác quản lý kinh tế vẫn còn hạn chế. Công tác thanh, quyết toán một số công trình còn chậm, chưa giải quyết dứt điểm;

- Công tác thu vốn đã có rất nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa đạt được kỳ vọng đề ra, giá trị dở dang và công nợ phải thu còn cao;

- Thực hiện việc lập và giao kế hoạch từ Công ty đến các đơn vị đảm bảo khoa học và có tính khả thi cao; Thường xuyên và định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát cũng như kiểm điểm và đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị;

- Công tác giá thành: Công ty đã đổi mới hình thức giao khoán quản lý theo giá thành sang hình thức thu phụ phí công trình nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của đơn vị nhận giao khoán để hạn chế tối đa việc phê duyệt điều chỉnh giá thành;

- Công tác đấu thầu, mua sắm vật tư, mua sắm hàng hóa thực hiện theo đúng quy định;

- Công tác quyết toán các công trình còn chậm, trong năm Công ty đã quyết toán xong 4 công trình. Một số công trình thi công xong nhưng chưa quyết toán được như: Di chuyển ĐZ 500kV Đà Nẵng - Quảng Ngãi; ĐZ 110kV Bến Lức - Long Thành... ngoài những nguyên nhân khách quan do Chủ đầu tư còn có những nguyên nhân chủ quan do công tác giải quyết tồn tại, duyệt khối lượng và dự toán phát sinh, công tác làm hồ sơ quyết toán của

các đơn vị còn chưa đồng bộ, nhiều hạn chế.

✓ *Công tác tài chính tín dụng - kế toán:*

- Cân đối, điều hòa hợp lý dòng vốn trong toàn Công ty và các đơn vị trong Tổ hợp; Xây dựng được quan hệ hợp tác chặt chẽ với các ngân hàng, đảm bảo bổ sung đủ nhu cầu vốn lưu động phục vụ thi công các công trường cũng như vốn cho đầu tư phát triển;

- Tập trung thu vốn, giải quyết vướng mắc trong công tác nghiệm thu thanh toán. Xây dựng các giải pháp cụ thể để tăng vòng quay vốn;

- Tình hình tài chính, uy tín doanh nghiệp luôn được đảm bảo, không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng, đơn vị được xếp hạng A;

- Hoàn thành báo cáo kiểm toán tài chính năm 2023 toàn Công ty và báo cáo hợp nhất của tổ hợp Sông Đà 11. Nhìn chung các đơn vị đã chấp hành đúng các quy định, quy chế hoạt động tài chính theo phân cấp của HĐQT Công ty;

- Việc thu hồi vốn một số công nợ còn tồn đọng từ lâu vẫn chưa được giải quyết như: công trình thủy điện Mường Kim: 14,5 tỷ đồng; công trình thủy điện Nậm Khóa: 1,2 tỷ đồng; ĐZ 500kv đầu nối NM điện Nghi Sơn 2: 4,5 tỷ đồng...

✓ *Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng và an toàn lao động:*

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý tiến độ thi công tại các công trình: Cơ bản đáp ứng yêu cầu, phục vụ kịp thời công tác quản lý điều hành của Công ty tại các công trình trọng điểm. Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng đồng thời chú trọng an toàn vệ sinh viên lao động và an sinh xã hội cho người lao động tại các công trình;

- Nghiên cứu ứng dụng mô hình thông tin kỹ thuật số (BIM - là một quy trình liên quan tới việc tạo lập và quản lý những đặc trưng kỹ thuật số trong các khâu thiết kế, thi công và vận hành các công trình) vào lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm hỗ trợ cho việc quản lý và đưa ra những quyết định liên quan tới công trình;

- Công tác bảo hộ và an toàn lao động đã được trú trọng, nhất là công tác an toàn khi thi công các công trình đường dây cao thế trong quá trình dựng cột, kéo dây trên cao;

- Về công tác quản lý chất lượng: Đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để kiểm soát chặt chẽ hệ thống quản lý chất lượng tại các công trình cũng như tại các đơn vị trực thuộc; thực hiện kiểm tra, kiểm soát tiến độ, hoàn thành hồ sơ chất lượng phục vụ nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu thanh toán và quyết toán các công trình;

- Kiểm tra, đơn đốc công tác bảo dưỡng thiết bị của Nhà máy Thủy điện Thác Trắng, Thủy điện Đăk Đoa, Thủy điện Sông Miện, Thủy điện To Buông, Thủy điện Đông Khùa, Thủy điện Đăk Pru1, Nhà máy điện mặt trời Phong Phú đảm bảo an toàn phát điện trong mùa mưa, mùa khô; công tác quản lý xe máy, thiết bị phục vụ thi công tại các đơn vị trực thuộc được thực hiện tốt.

2. Tình hình tài chính (theo báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2023)

2.1. Tình hình tài sản:



TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
				Số tiền	Tỷ lệ
A	Tài sản ngắn hạn	461.301.869.766	376.283.354.386	85.018.515.380	22,59%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	53.056.971.729	28.439.149.745	24.617.821.984	86,56%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.000.000	1.872.000.000	-1.797.000.000	-96,0%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	328.470.978.800	240.191.842.759	88.279.136.041	36,75%
IV	Hàng tồn kho	75.815.970.379	101.998.445.573	-26.182.475.194	-25,7%
V	Tài sản ngắn hạn khác	3.882.948.858	3.781.916.309	101.032.549	2,67%
B	Tài sản dài hạn	591.114.712.028	603.957.887.036	-12.843.175.008	-2,13%
I	Các khoản phải thu dài hạn	15.598.545.385	25.420.604.825	-9.822.059.440	-38,6%
II	Tài sản cố định	57.859.473.890	61.585.297.125	-3.725.823.235	-6,05%
III	Tài sản dở dang dài hạn	0	472.378.838	-472.378.838	-100%
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	517.267.000.000	515.210.431.240	2.056.568.760	0,40%
V	Tài sản dài hạn khác	389.692.753	1.269.175.008	-879.482.255	-69,3%
	Tổng tài sản	1.052.416.581.794	980.241.241.422	72.175.340.372	7,36%

Tổng tài sản năm 2023 tăng 7,36% so với năm 2022 tương ứng tăng 72,1 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Tăng các khoản tiền và tương đương tiền (24,6 tỷ đồng); tăng các khoản phải thu ngắn hạn (88,2 tỷ đồng); giảm các khoản phải thu dài hạn (9,8 tỷ đồng);

- Tăng các khoản đầu tư tài chính trong năm (2,056 tỷ đồng) do Công ty góp vốn vào Công ty TNHH năng lượng SJE theo nghị quyết số 83/2023/NQ-HĐQT ngày 18/10/2023 (0,259 tỷ đồng) và chuyển khoản đầu tư Công ty CP Sông Đà Hà Nội từ chứng khoán kinh doanh sang theo dõi tại các khoản đầu tư tài chính do Công ty CP Sông Đà Hà Nội đã không còn niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM (1,797 tỷ đồng).

- Giảm giá trị TSCĐ trong năm (3,7 tỷ đồng) do khấu hao TSCĐ trong kỳ; giảm hàng tồn kho giảm trong năm (26,182 tỷ đồng) do giảm chi phí dở dang trong năm 25 tỷ đồng, giảm nguyên liệu, vật liệu tồn kho 1,2 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
				Số tiền	Tỷ lệ
I	Nợ ngắn hạn	352.971.168.199	290.048.368.047	62.922.800.152	21,69%
II	Nợ dài hạn	22.946.788.269	66.736.587.205	-43.789.798.936	-65,62%
	Nợ phải trả	375.917.956.468	356.784.955.252	19.133.001.216	5,36%

Tổng nợ phải trả năm 2023 tăng so với năm 2022 là 19,1 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,36%, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Tăng các khoản nợ phải trả ngắn hạn (62,9 tỷ đồng) tương đương tăng 21,69% bao gồm giảm các khoản phải trả người bán (41,2 tỷ đồng); tăng người người mua trả tiền trước ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn khác, phải trả ngắn hạn khác;
- Giảm các khoản nợ dài hạn (43,7 tỷ đồng) tương đương giảm 65,62% bao gồm giảm khoản phải trả người bán dài hạn (8 tỷ đồng) và giảm khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (35,7 tỷ đồng).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng các biện pháp cụ thể và tổ chức triển khai toàn diện các kế hoạch đề ra đồng thời phê duyệt kế hoạch SXKD cho các đơn vị thành viên của Công ty phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2023;

- Thường xuyên đẩy mạnh thực hiện việc rà soát, cắt giảm các cấp quản lý trung gian tại các công trường, đơn vị trực thuộc; không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành;

- Tiếp tục sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả. Kiện toàn lại tổ chức sản xuất để đảm bảo hiệu quả cao nhất;

- Tiếp tục vận hành bộ phận kiểm tra, giám sát các công trình, kiện toàn lại Ban chỉ huy tại các công trình thi công xây lắp, nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng các sản phẩm xây lắp và thực hiện công tác an toàn;

- Đề án tái cấu trúc Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long thành Công ty cổ phần đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở thực hiện;

- Đề án tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 11 thành Công ty TNHH MTV nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty;

- Tái cấu trúc các khoản đầu tư: Công ty đã hoàn thành việc thành lập Công ty TNHH năng lượng SJE theo Nghị quyết số 83/2023/NQ - HĐQT ngày 18/10/2023 Công ty CP Sông Đà 11 góp vốn vào Cty TNHH năng lượng SJE là số vốn đầu tư tại các Công ty con với giá trị 499.740.430.240 đồng và tiền mặt 259.568.760 đồng. Công ty tiếp tục tìm kiếm

đối tác để tái cấu trúc tại Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội trong năm 2024.

4. Kế hoạch năm 2024

4.1. Kế hoạch SXKD năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	
			Công ty mẹ	Tổ hợp Sông Đà 11
A	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH			
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	triệu đồng	2.141.150	2.668.300
2	Doanh thu	triệu đồng	1.760.727	2.224.118
	<i>Trong đó: Không bao gồm doanh thu HĐ TC</i>			
3	Lợi nhuận (dự kiến)			
		triệu đồng		
-	Lợi nhuận trước thuế		63.500	164.500
		triệu đồng		
-	Lợi nhuận sau thuế		63.500	154.400
4	Dự kiến tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	10	10
5	Thu nhập bình quân 01 CBCNV/tháng	triệu đồng	16	16
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ			
1	Đầu tư nâng cao NLTB thi công	triệu đồng	17.589	17.589
		triệu đồng		
2	Đầu tư tài chính (mua các dự án Năng Lượng và các nhà máy SX Công nghiệp...)		145.000	221.000

4.2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2024:

a) Về công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo hướng giảm thiểu các cấp quản lý trung gian; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty gọn nhẹ, hiệu quả. Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền thông qua đề án tái cấu trúc Công ty cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị;

- Kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc kinh doanh không hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ tài chính, kinh tế; rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định, quy định trong công tác quản lý và điều hành để phát huy tối đa nguồn nhân lực để phục vụ SXKD và đầu tư phát triển các dự án mới;

- Đổi mới tư duy quản lý, điều hành của các cấp lãnh đạo, nhất là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc. Xây dựng đội ngũ chủ chốt có năng lực, phẩm chất và điều hành công việc một cách hiệu quả vì lợi ích chung của đơn vị;

- Lập kế hoạch tăng vốn và thực hiện tăng Vốn điều lệ Công ty cho phù hợp với mô hình và quy mô hoạt động SXKD của Công ty. Mở rộng mô hình liên doanh, liên kế để thực hiện các dự án nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty trong năm 2024 và những năm tiếp theo;

- Thực hiện công tác luân chuyển cán bộ để tạo nên sự thay đổi, phát huy hết năng lực cán bộ góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2024;

- Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long đảm bảo hiệu quả trong hoạt động SXKD và thực hiện tái cấu trúc lại các chi nhánh theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phát huy hiệu quả của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty nhằm đem lại công ăn việc làm và lợi nhuận cho Công ty;

- Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị, thi công; thu hút công nhân kỹ thuật bậc cao, tuyển dụng, đào tạo để có nguồn nhân công chất lượng, xây dựng các đội xây lắp đường dây, trạm biến áp chuyên nghiệp;

- Kiểm soát rủi ro trong sản xuất kinh doanh, áp dụng thiết thực và có hiệu quả hơn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Hoàn thiện năng lực quản lý kỹ thuật, kinh tế, tài chính đảm bảo các bộ phận tác nghiệp hiệu quả.

b) Công tác quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất:

✓ *Công tác tổ chức nhân sự, tiền lương:*

- Lập kế hoạch tuyển dụng trong công tác tuyển dụng nhân sự, trọng tâm là nguồn nhân lực trực tiếp có tay nghề, bằng nghề;

- Sắp xếp lại mô hình cơ cấu tổ chức của công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành, tiết kiệm tối đa chi phí quản lý và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay;

- Xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban và các đơn vị phù hợp với yêu cầu SXKD làm cơ sở cho việc bố trí và quản lý từng chức danh quản lý, từng người lao động phù hợp và hiệu quả;

- Triệt để đánh giá chất lượng nhân viên năm 2024; Xây dựng quy chế lương, thưởng đối với chuyên viên giỏi, công nhân có kinh nghiệm, tay nghề cao;

- Tiếp tục cải tiến quy chế trả lương, thưởng hợp lý để thu hút, khuyến khích các cán bộ công nhân viên có năng lực. Tiếp tục thực hiện việc trả lương cho toàn thể CBCNV gián tiếp và trực tiếp qua tài khoản ngân hàng;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển dụng đảm bảo đội ngũ cán bộ đáp ứng với ngành nghề mới của Công ty, điều hành một cách hiệu quả; bố trí người đứng việc; thu hút cán bộ có năng lực trình độ ngoại ngữ;

- Công ty có kế hoạch cử 5 cán bộ tham gia chương trình đào tạo chỉ huy trưởng công trình, 20 cán bộ tham gia chương trình đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề giám sát hoạt động xây dựng, 20 người tham gia chương trình đào tạo cấp chứng chỉ an toàn vệ sinh lao động, 20 người tham gia chương trình tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, 30 người tham gia chương trình đào tạo nâng bậc công nhân, 4 người tham gia chương trình đào tạo vận hành nhà máy thủy điện, 120 người tham gia chương trình huấn luyện an toàn lao động, nội quy lao động;

- Công tác tuyển dụng: Để nâng cao đội ngũ công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu huy động nhân lực tại các công trình trọng điểm. Trong năm 2024, Công ty sẽ tuyển dụng thêm 11 cán bộ khoa học nghiệp vụ và 100 công nhân kỹ thuật để đảm bảo đủ lực lượng thi

công tại các công trình trọng điểm như ĐZ 500kV Mạch 3 Quảng Trạch - Phố Nối, ĐZ 500kV Thạch Mỹ - Moon son; ĐZ 500kv Nam Định 1 - Thanh Hóa; ĐZ 500kV Nam Định 1 - Phố Nối; ĐZ 500kv Quảng Trạch - Quỳnh Lưu;

✓ *Công tác tiếp thị, tiếp thị đấu thầu:*

- Hiện nay công tác tiếp thị đấu thầu gặp rất nhiều khó khăn do cạnh tranh cao và mặt bằng giá trúng thầu rất thấp. Để đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV trong năm 2024 và các năm tiếp theo, Công ty tích cực và chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu;

- Nâng cao hiệu quả công tác tiếp thị đấu thầu bằng việc tổ chức một bộ phận chuyên trách mở rộng thị trường, xây dựng kế hoạch dự báo linh hoạt để đáp ứng kịp thời sự biến động của thị trường xây lắp đường dây, trạm biến áp...;

- Tổ chức nghiên cứu kỹ hồ sơ mời thầu; khảo sát chi tiết địa điểm và thực tế công trình xây dựng để đưa ra phương án đấu thầu hợp lý, linh hoạt trên cơ sở đảm bảo các điều kiện cạnh tranh có lợi nhất trong đấu thầu;

- Tiếp tục củng cố và phát triển quan hệ hợp tác truyền thông tốt đẹp với các Chủ đầu tư, nhất là Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia (NPT); Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN);

- Nghiên cứu công nghệ thi công các dự án Năng lượng mới để chuẩn bị đủ năng lực về nhân lực, thiết bị máy móc, đủ khả năng tham gia đấu thầu thi công các dự án sắp triển khai của chủ đầu tư;

- Tập trung tham gia đấu thầu các công trình đấu thầu theo hình thức PC để tận dụng ưu thế năng lực của đơn vị để xây dựng năng lực mạnh trong các gói thầu này;

- Các đơn vị trực thuộc cần tích cực chủ động và phối hợp với phòng Dự án, phòng Kinh doanh Công ty trong công tác tiếp thị đấu thầu. Khuyến khích các đơn vị tự đấu thầu để tăng sản lượng và hiệu quả SXKD cho đơn vị;

- Trong năm 2023 Công ty phấn đấu tiếp thị và đấu thầu trúng thầu 1.622,2 tỷ đồng.

✓ *Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng và ATLD:*

- Tập trung chỉ đạo tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm, thi công đảm bảo mục tiêu tiến độ đã cam kết với Chủ đầu tư đặc biệt là các công trình: ĐZ 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Quỳnh Lưu; ĐZ 500kV Nam Định 1 – Thanh Hóa; ĐZ 500kV Nam Định – Phố Nối; ĐZ 500kV Quỳnh Lưu – Thanh Hóa; ĐZ 110kV Kỳ Sơn – Lương Sơn; ĐZ 220kv Bát Xát - Bảo Thắng – Lào Cai; ĐZ 220kv Bảo Lộc – Sông Mê; ĐZ 110kv Bắc Giang - Lạng Sơn;

- Tích cực làm hồ sơ thu vốn đối với khối lượng xây lắp hoàn thành, hồ sơ nghiệm thu bàn giao công trình hoặc các công trình đã thi công xong;

- Tập trung chỉ đạo công tác quản lý chất lượng tại các công trình đơn vị đảm nhận thi công, đảm bảo thi công luôn đạt yêu cầu về thiết kế, chất lượng công trình ngày càng cao;

- Nâng cao chất lượng cán bộ kỹ thuật, nhất là đội ngũ cán bộ chỉ đạo thi công và giám sát chất lượng công trình; thường xuyên kiểm tra, kiểm điểm trách nhiệm của các cán bộ phụ trách kỹ thuật trên công trường với mục tiêu tạo điều kiện đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trình;

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra an toàn lao động, tuyên truyền và hướng dẫn người lao

động, vận hành máy thiết bị thi công, thực hiện đúng theo yêu cầu về kỹ thuật an toàn và vận hành thiết bị, đảm bảo năm 2024 không thể xảy ra mất an toàn lao động;

- Đảm bảo cân đối, bố trí lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật phù hợp với yêu cầu cụ thể từng công trường, tập trung chỉ đạo tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm, công trình đến giai đoạn cuối chuẩn bị bàn giao đưa vào vận hành;

- Tổ chức áp dụng mô hình thông tin kỹ thuật số BIM tối ưu hóa thiết kế, thi công, vận hành quản lý tại các công trình.

d) Công tác kinh tế, tài chính và vốn:

- Xây dựng giá thành, giá trị dự toán chi phí hạng mục thi công của tất cả các công trình; Xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính, kế hoạch thu vốn và thu hồi công nợ. Hàng tháng kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch và tìm ra nguyên nhân để đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời;

- Tập trung thu vốn, giải quyết vướng mắc trong công tác nghiệm thu thanh toán. Xây dựng các biện pháp cụ thể để tăng cường công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm tăng vòng quay vốn, giảm lãi vay, tăng hiệu quả sử dụng vốn;

- Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện quyết liệt kế hoạch, giải pháp tiết kiệm chi phí trong quản lý và sản xuất kinh doanh từ Công ty đến các đơn vị thành viên;

- Nghiên cứu áp dụng hình thức ký kết hợp đồng giao khoán hợp lý đối với các công trình xây lắp nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

- Thực hiện quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng phần mềm kế toán hoặc hệ thống quản lý doanh nghiệp ERP;

- Củng cố quan hệ hợp tác với các Ngân hàng thông qua các hợp đồng thoả thuận hợp tác toàn diện để đa dạng hoá kênh huy động vốn; Chủ động tìm kiếm, thu xếp vốn đầy đủ phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư;

- Tổ chức công tác công kế toán, hạch toán kế toán theo đúng chế độ; Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí; Tăng cường công tác kiểm tra tài chính các đơn vị trực thuộc theo định kỳ quý, năm;

- Triển khai sử dụng phần mềm kế toán thống nhất từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc và các Công ty con;

- Thực hiện tăng thêm vốn điều lệ khoảng 235 tỷ đồng để đầu tư vốn và Công ty con, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác và/hoặc Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và/hoặc thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Công ty.

✓ Công tác đầu tư:

- Dự án NCNL thi công: Căn cứ tiến độ các công trình, rà soát và cân đối và sử dụng tối đa lực lượng xe máy thiết bị hiện có của các đơn vị; tránh đầu tư dàn trải. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị thi công dự án nâng cao năng lực phục vụ công tác dựng cột, kéo dây cho các công trình mạch 3 ĐZ 500kV Quảng Trạch - Phố Nối;

- Triển khai các hoạt động đầu tư một cách thận trọng trên cơ sở xem xét kỹ hiệu quả kinh tế và các nguồn lực, khả năng tài chính của Công ty;

- Nghiên cứu và tìm kiếm và phát triển một số dự án Nhà máy thủy điện, điện gió và

điện mặt trời; các dự án bất động sản công nghiệp và nhà máy sản xuất cột thép, cáp điện, thiết bị cho ngành điện;

- Tìm mọi giải pháp để vận hành an toàn, liên tục các nhà máy điện để nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Tiếp tục củng cố, xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu từ Công ty đến các đơn vị tham gia đấu thầu dự án, công trình đạt kết quả cao.

** Công tác hỗ trợ hoạt động kinh doanh:*

- Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất tại các công trình; phát động nhiều chiến dịch thi đua hoàn thành các hạng mục công trình về đích sớm hơn so với kế hoạch đề ra; Nâng cao đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động đoàn thể, văn hóa văn nghệ;

- Không ngừng quảng bá và nâng cao hình ảnh uy tín của công ty trên thị trường thông qua các phương tiện truyền thông.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2023

Với nền tảng chiến lược cốt lõi là phát triển dựa trên năng suất và hiệu quả cạnh tranh, bằng sự quản lý và chỉ đạo đúng hướng của Hội đồng quản trị, sự năng động và quyết đoán của Ban điều hành cùng với sự nỗ lực và quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty tiếp tục khẳng định uy tín, phát triển thị trường, hoàn thành cơ bản một số nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT đã tập trung tiếp tục hoàn thiện các Quy chế quản lý, tạo sự minh bạch trong cơ chế thực hiện, đảm bảo phát huy hiệu quả, thực hiện đúng các quy định của pháp luật, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty thực hiện tốt chức năng giám sát đối với Tổng giám đốc. Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật;

- Trong quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, luôn thể hiện trách nhiệm cao, tận tụy, tổ chức họp giao ban tuần, tháng và đột xuất để bàn bạc, thảo luận, thống nhất các giải pháp và tổ chức thực hiện; từng thành viên luôn bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tập trung kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị theo hướng kiểm soát chặt chẽ kinh tế, tài chính; rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định trong công tác quản lý và điều hành; Định biên, sắp xếp lại bộ máy nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để đấu thầu các công trình đường dây, trạm biến áp là thế mạnh của công ty, đảm bảo việc làm cho năm 2024 và những năm tiếp theo;

- Đẩy mạnh đổi mới tư duy quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất tại các đơn vị trực thuộc; Tăng cường đầu tư nâng năng lực máy móc thiết bị thi công; Thu hút công nhân kỹ thuật bậc cao, tuyển dụng, đào tạo để có nguồn nhân công chất lượng,... Xây dựng các đội xây lắp đường dây; Trạm biếp áp chuyên nghiệp;

- Tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực hoàn thành các công việc thuộc dự án trọng điểm như ĐZ 110kV Đa Nhim - Hạ Sông Pha - Ninh Sơn - Tháp Chàm; ĐZ 500kV Củ Chi rẽ Chơn Thành - Đức Hòa; ĐZ 110kV Kỳ Sơn - Lương Sơn; TBA 220kV Khu kinh tế Nghi Sơn và đường dây đầu nối; ĐZ 220kV Bát Xát - Lào Cai - Bảo Thắng; ĐZ 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn; ĐZ 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Phố Nối vv... Thi công các công trình khác đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng ký với chủ đầu tư;

- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành. Hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức, hạ tầng quy trình làm việc Công ty, tăng trách nhiệm của bộ máy điều hành, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết		Ghi chú
			Sở hữu cá nhân	Đại diện vốn góp	
Ông: Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch HĐQT	30/12/2022	0	0	Chủ tịch điều hành
Ông: Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	Từ 30/12/2022 đến 31/03/2023	1.054.953	0	Thành viên không trực tiếp điều hành
Ông: Lê Văn Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Đến 30/09/2023	99	2.200.000	Thành viên điều hành
	Thành viên	Từ 01/10/2023			Thành viên không trực tiếp điều hành
Ông: Bùi Đức Thuận	Thành viên	Từ ngày 31/03/2023	0	0	Thành viên không trực tiếp điều hành
Ông: Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	Từ 31/03/2023	0	1.895.960	Thành viên không trực tiếp điều hành
Ông: Phạm Minh Ngọc	Thành viên	Đến 31/03/2023	114	0	Thành viên không trực tiếp điều hành

Ông: Đào Việt Hùng	Thành viên	30/12/2022	0	0	Thành viên không trực tiếp điều hành
Tổng cộng			1.055.1466	4.095.960	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty CP Sông Đà 11 chưa thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên HĐQT phụ trách chuyên sâu từng lĩnh vực: Tài chính, nhân sự, chiến lược phát triển, tiền lương,...

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao trên cơ sở kết hợp phân tích diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi hoạt động của Công ty. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, tạo động lực và nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Các thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét đánh giá đúng mức vai trò trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đã theo dõi sát diễn biến tình hình, kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp đối sách thích hợp để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị cũng là Tổng Giám đốc Công ty nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị cũng rất kịp thời. Hội đồng quản trị đã giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc qua báo cáo của Tổng Giám đốc tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và các vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc thông qua tờ trình của Tổng Giám đốc.

HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, duy trì cơ chế họp toàn thể, định kỳ, xử lý kịp thời các công việc phát sinh. Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp HĐQT thường kỳ và HĐQT mở rộng để thực hiện các Nghị quyết Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; giải quyết các vấn đề phát triển thị trường,.. HĐQT thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, từ đó chỉ đạo và phê duyệt các phương án phục vụ sản xuất kinh doanh.

Cụ thể việc tham gia các cuộc họp HĐQT như sau:

TT	Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch	10	100%	Không
2	Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	4	100%	Không
3	Lê Văn Tuấn	Thành viên	10	100%	Không
4	Bùi Đức Thuận	Thành viên	6	100%	Không

5	Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	6	100%	Không
6	Phạm Minh Ngọc	Thành viên	4	100%	Không
7	Đào Việt Hùng	Thành viên	10	100%	Không
8	Bùi Quang Chung	TBKS	10	100%	Không

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 115 Nghị quyết (chi tiết các Nghị quyết được thể hiện trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023 và đã được công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, trên trang Web songda11.com.vn). Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên.

Bên cạnh việc xem xét, quyết định các công việc thuộc phạm vi HĐQT, Hội đồng quản trị đã phối hợp tích cực với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành cũng như giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

Trong năm 2023, Các thành viên HĐQT đã nỗ lực hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, hành động cần trọng vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích Nhà nước và Công ty.

1.4. Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo quản trị Công ty: Có 05 chứng chỉ

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm	Số cổ phần có quyền biểu quyết		Ghi chú
			Sở hữu cá nhân	Đại diện vốn góp	
Bùi Quang Chung	Trưởng ban	30/12/2022	0	0	
Đoàn Hải Trung	Thành viên	30/12/2022	0	0	
Trịnh Trọng Hùng	Thành viên	17/06/2022	0	0	
Tổng cộng			0	0	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; Kiểm tra tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2023.

- Thẩm tra báo cáo tài chính các quý và cả năm 2023.

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các quy chế quy định của HĐQT và Ban kiểm soát; Kiểm soát việc ban hành các văn bản quản lý nội bộ.

2.3. Tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

Năm 2023, Công ty cổ phần Sông Đà 11 hoàn thành mức >100% (Tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu: (Doanh thu + lợi nhuận*2/3)), do đó Công ty cổ phần Sông Đà 11 chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên bằng 100% tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thù lao các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban tổng giám đốc năm

2023 với tổng số tiền là: 2.927.086.954 đồng theo đúng Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 31/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông và quy chế lương của Công ty cụ thể:

ĐVT: VNĐ

TT	CHỨC DANH	Số tháng	Số người	Thù lao	Tiền lương
1	Chủ tịch HĐQT	12	01		600.000.000
2	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	12	01		540.000.000
3	Phó Tổng giám đốc	12	04		1.079.086.954
4	Thành viên HĐQT không điều hành	12	03	288.000.000	
5	Trưởng Ban kiểm soát	12	01		300.000.000
6	Thành viên Ban kiểm soát	12	02	120.000.000	
	Tổng cộng		10	408.000.000	2.519.086.954

2.4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ của người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm, mua bán chuyển đổi thưởng
			Số cổ phiếu	Tỉ lệ	Số cổ phiếu	Tỉ lệ	
1	Đoàn Hải Trung	TV. BKS	900.000	4,1%	0	0%	Bán
2	Hoàng Thị Lan	Mẹ ông Đoàn Hải Trung	1.087.000	4,95%	0	0%	Bán
3	Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	182.899	0,76%	99	0%	Bán
4	Nguyễn Thị Hoan	Vợ TV HĐQT Lê Văn Tuấn	60.583	0,25%	83	0%	Bán
5	Phạm Văn Tuyên	Phó TGD	0	0%	248.000	1,03%	Mua
6	Cty CP đầu tư Energy Việt Nam	Cổ đông lớn – TB KS Bùi Quang Chung làm TGD	12.327.480	51,01%	12.805.580	52,98%	Mua

2.5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

1.1 Báo cáo tài chính tổng hợp:

- Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

1.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo quy định của pháp luật. Số liệu được trình bày trong báo cáo thường niên năm 2023 là Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ. (Báo cáo tài chính tổng hợp; Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được đăng tải trên Website www.songda11.com.vn mục quan hệ cổ đông và được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố mục thông tin công bố của tổ chức phát hành - Mã chứng khoán SJE).

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Lưu HĐQT, TCKT, TCHC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Trọng Vinh





CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 02 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 số 0500313811 ngày 09/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21/9/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 20 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 09/10/2023 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Số 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 33 545 735
- Fax : 024 33 542 280

Các đơn vị trực thuộc :

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà máy Thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (trước ngày 31/3/2023)
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
Ông Đào Việt Hùng	Thành viên
Ông Phạm Minh Ngọc	Thành viên (trước ngày 31/3/2023)
Ông Bùi Đức Thuận	Thành viên (từ ngày 31/3/2023)
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên (từ ngày 31/3/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Trọng Vinh	Tổng Giám đốc (từ ngày 02/10/2023)
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc (trước ngày 01/10/2023)
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyền	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 05/01/2023)
Ông Bùi Thọ Sang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/7/2023)
Ông Lê Anh Trinh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22/01/2024)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Trọng Vinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Số: 16/2024/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/02/2024, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

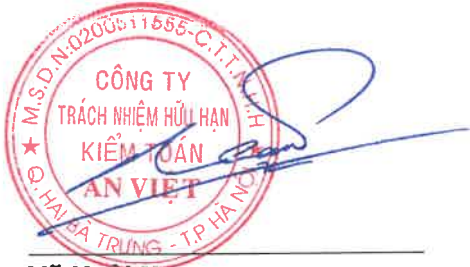
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.



Vũ Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2023-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Thu Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2986-2024-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		461.301.869.766	376.283.354.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	53.056.971.729	28.439.149.745
1. Tiền	111		41.832.971.729	28.299.149.745
2. Các khoản tương đương tiền	120		11.224.000.000	140.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		75.000.000	1.872.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.1	75.000.000	1.872.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		328.470.978.800	240.191.842.759
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.1	236.785.820.457	198.560.175.281
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.654.776.148	4.114.646.603
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.2	24.966.967.504	17.206.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	54.485.443.412	38.600.312.823
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(17.422.028.721)	(18.289.291.948)
IV. Hàng tồn kho	140		75.815.970.379	101.998.445.573
1. Hàng tồn kho	141	11	75.815.970.379	101.998.445.573
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.882.948.858	3.781.916.309
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.604.432.854	3.503.400.305
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.2	278.516.004	278.516.004
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		591.114.712.028	603.957.887.036
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.598.545.385	25.420.604.825
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7.2	15.254.846.385	25.420.604.825
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	343.699.000	-
II. Tài sản cố định	220		57.859.473.890	61.585.297.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	47.195.856.890	50.921.680.125
- Nguyên giá	222		154.906.092.563	154.102.479.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.710.235.673)	(103.180.799.563)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	10.663.617.000	10.663.617.000
- Nguyên giá	228		10.663.617.000	10.663.617.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	472.378.838
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	472.378.838
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		517.267.000.000	515.210.431.240
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.3	562.851.773.480	562.592.204.720
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.3	1.797.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.4	(47.381.773.480)	(47.381.773.480)
V. Tài sản dài hạn khác	260		389.692.753	1.269.175.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	389.692.753	1.269.175.008
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.052.416.581.794	980.241.241.422

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		375.917.956.468	356.784.955.252
I. Nợ ngắn hạn	310		352.971.168.199	290.048.368.047
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.1	83.160.798.423	42.076.880.978
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.864.838.976	56.884.887.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.1	1.368.337.504	3.372.785.045
4. Phải trả người lao động	314		13.041.844.302	6.826.916.740
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	19.444.065.750	9.920.867.700
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	7.500.000	7.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	16.495.676.715	28.568.701.892
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.1	125.629.382.129	142.389.827.717
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.958.724.400	-
II. Nợ dài hạn	330		22.946.788.269	66.736.587.205
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15.2	8.721.788.269	16.785.424.345
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.2	14.225.000.000	49.951.162.860
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		676.498.625.326	623.456.286.170
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	676.498.625.326	623.456.286.170
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	241.687.110.000	219.718.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		241.687.110.000	219.718.260.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	67.964.007.623	67.964.007.623
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	197.388.891.132	197.388.891.132
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21b	169.458.616.571	138.385.127.415
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		112.673.277.415	73.521.677.318
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.785.339.156	64.863.450.097
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.052.416.581.794	980.241.241.422

Người lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Phan Ngọc Mạnh

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Trọng Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2023

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023		Năm 2022	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	380.497.837.354	520.278.466.307		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	380.497.837.354	520.278.466.307		
4. Giá vốn hàng bán	11	24	349.478.978.948	495.562.828.332		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31.018.858.406	24.715.637.975		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	85.083.193.680	88.060.990.827		
7. Chi phí tài chính	22	26	16.948.976.714	19.264.763.773		
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.693.311.340	16.140.014.507		
8. Chi phí bán hàng	25		-	-		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	33.989.744.008	47.389.981.861		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		65.163.331.364	46.121.883.168		
11. Thu nhập khác	31	28	201.375.455	26.314.737.013		
12. Chi phí khác	32	29	8.579.367.663	1.910.068.266		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8.377.992.208)	24.404.668.747		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		56.785.339.156	70.526.551.915		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	5.663.101.818		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		56.785.339.156	64.863.450.097		

Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất nên thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Dung

Phan Ngọc Mạnh

Vũ Trọng Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2023

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.785.339.156	70.526.551.915
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14	5.441.629.362	7.028.402.912
- Các khoản dự phòng	03		(867.263.227)	7.441.129.665
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(84.362.431.061)	(81.243.673.582)
- Chi phí lãi vay	06	26	12.693.311.340	16.140.014.507
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(10.309.414.430)	19.892.425.417
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(69.965.380.263)	(9.510.176.629)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.182.475.194	9.735.407.819
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		70.222.548.678	(34.756.712.811)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		879.482.255	529.564.893
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.242.833.754)	(15.148.466.462)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.663.101.818)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.784.275.600)	(2.969.687.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.982.602.080	(37.890.746.637)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	14	(1.853.299.563)	(359.126.487)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.303.638.580	29.669.232.962
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(38.402.972.692)	(10.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.642.005.188	10.810.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(259.568.760)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		81.704.166.599	91.631.544.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		75.133.969.352	121.451.650.554
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		305.516.921.205	353.545.182.175
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(358.003.529.653)	(391.977.184.083)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.141.000)	(43.881.149.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.498.749.448)	(82.313.151.508)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		24.617.821.984	1.247.752.409
(50=20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	28.439.149.745	27.191.397.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	53.056.971.729	28.439.149.745
(70=50+60+61)				

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2023.

Người lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Phan Ngọc Mạnh

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Trọng Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (gọi tắt là "Công ty"), trụ sở đặt tại tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, số 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21/9/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp và thay đổi lần thứ 20 số 0500313811 ngày 09/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 241.687.110.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng người lao động tại 31/12/2023 là 400 người (tại 01/01/2023 là 427 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: xây lắp và sản xuất điện thương phẩm, kinh doanh thương mại.**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:****1.6.1 Trước ngày 30/10/2023:**

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính
A Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc		
1 Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Xây lắp
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Xây lắp
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Xây lắp
4 Nhà máy Thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
B Các công ty con					
1 Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
2 Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
3 Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	57,03%	57,03%	57,03%
4 Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
5 Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	Làng Đắk Nhoong, xã Đắk Nhoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	89,90%	89,90%	89,90%
6 Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	Thôn Nha Mé, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,96%	99,96%	99,96%

1.6.2 Từ ngày 30/10/2023:

Theo Nghị quyết số 83/2023/NQ-HĐQT ngày 18/10/2023, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 góp vốn vào Công ty TNHH Năng Lượng SJE là số vốn đầu tư tại các công ty con với giá trị 499.740.431.240 VND và tiền mặt 259.568.760 VND. Công ty TNHH Năng lượng SJE trụ sở đặt tại tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0110525401 ngày 30/10/2023, thay đổi lần thứ nhất ngày 08/11/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Chi tiết các khoản đầu tư chuyển giao như sau:

Đơn vị	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	57.250.000.000	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	35.814.689.000	57,03%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa (1)	66.942.942.240	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei (2)	42.965.000.000	66,10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	296.767.800.000	99,96%

- (1) Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và Công ty TNHH Năng Lượng SJE đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 66.942.942.240 VND (mã chứng khoán: HPD được niêm yết trên sàn UPCOM). Do đó, tại 31/12/2023, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa vẫn là Công ty con cấp 1 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

- (2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei được chuyển giao từ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho Công ty TNHH Năng lượng SJE với 4.296.500 cổ phiếu, tương đương 42.965.000.000 VND, chiếm 66,1% tỷ lệ quyền biểu quyết và Công ty Cổ phần Sông Đà 11 nắm giữ 23,80% tỷ lệ quyền biểu quyết. Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei là công ty con cấp 2 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 với tỷ lệ quyền biểu quyết là 89,90%.

Cấu trúc doanh nghiệp như sau:

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính
A Các đơn vị trực thuộc		
1 Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Xây lắp
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Xây lắp
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Xây lắp
4 Nhà máy Thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
B Các công ty con cấp 1					
1 Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xây dựng công trình điện	100,00%	100,00%	100,00%
2 Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
3 Công ty TNHH Năng Lượng SJE	Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông 131 đường Trần Phú Văn Quán Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	100,00%	100,00%	100,00%
C Các Công ty con cấp 2					
1 Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
2 Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Đạo Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	57,03%	57,03%	57,03%
3 Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	Làng Đắk Nhoong, xã Đắk Nhoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	89,90%	89,90%	89,90%
4 Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	Thôn Nha Mé, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,96%	99,96%	99,96%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp: các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.

4.2 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại bằng không.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**4.4.1 Chứng khoán kinh doanh**

Phản ánh giá trị các khoản chứng khoán (cổ phiếu) nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng (+) các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

4.4.2 Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.4.3 Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty con:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu tại thời điểm mua (có quyền kiểm soát, chi phối) theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính tại ngày được quyền nhận. Trong năm, Công ty ghi nhận cổ tức từ Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn là 7.137.152.000 VND, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa là 8.111.385.000 VND, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei là 5.448.300.000 VND, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời là 52.706.500.000 VND, Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông là 8.400.000.000 VND.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Là khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng...

Thời điểm ghi nhận đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính tại ngày được quyền nhận. Trong năm, Công ty ghi nhận cổ tức từ Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội là 79.866.815 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long) là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của công ty con đã được kiểm toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Căn cứ dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính riêng của công ty con.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại hoặc thời gian dự kiến thu hồi tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân từng lần nhập xuất.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, riêng máy móc thiết bị của Nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng 262 m² đất tại thửa đất số 8, BT03-VT24, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và quyền sử dụng 113 m² đất tại thửa đất KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với thời hạn sử dụng lâu dài.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước khác. Cụ thể:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tối đa 02 năm kể từ khi phát sinh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm kể từ khi phát sinh;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận và phân bổ theo thực tế phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại hoặc thời gian dự kiến thanh toán tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***4.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay và giá vốn của các công trình xây dựng đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản phí ủy thác đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 31/3/2023.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2023.

4.16 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)****Doanh thu hợp đồng xây dựng:***

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận trên cơ sở biên bản xác nhận số liệu giữa bên mua, bên bán và hóa đơn phát hành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, tiền cho vay; cổ tức được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác bao gồm phí ủy thác đầu tư và phí bảo lãnh được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay và chi phí tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Chi phí hoạt động tài chính khác bao gồm phí bảo lãnh và phí cam kết tín dụng được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

4.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí lương bộ phận quản lý; kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...); hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

T.T.T.
AN
HÀ N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***4.20 Thuế**

Trong năm, Công ty không phát sinh thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bằng không.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 7, 8, 15, 20, 21, 22, 34.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.308.713.364	884.175.827
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.524.258.365	27.414.973.918
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng)	11.224.000.000	140.000.000
Cộng	53.056.971.729	28.439.149.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

MẪU SỐ B09 - DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023			01/01/2023		
	Số lượng (CP)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số lượng (CP)	Giá gốc (VND)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (cổ phiếu)

Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7
 Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội

	75.000.000	-	-	1.872.000.000	-	-
	7.500	75.000.000	-	7.500	75.000.000	-
	-	-	-	199.666	1.797.000.000	-

6.2 Phải thu về cho vay

31/12/2023 01/01/2023
 VND VND

Ngắn hạn

Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường

	24.966.967.504	17.206.000.000
	24.966.967.504	6.050.000.000
	-	11.156.000.000

Phải thu về cho vay là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long
 Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường

	24.966.967.504	17.206.000.000
	24.966.967.504	6.050.000.000
	-	11.156.000.000

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2023 01/01/2023
 VND VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	562.851.773.480	(47.381.773.480)	562.592.204.720	(47.381.773.480)	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.797.000.000	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

MẪU SỐ B09 - DN

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	100,00	100,00	100,00	70.000.000.000	47.381.773.480	(47.381.773.480)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	65,10	65,10	65,10	83.065.900.000	66.942.942.240	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	23,08	89,90	89,90	65.000.000.000	15.470.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng SJE	100,00	100,00	100,00	500.000.000.000	433.057.057.760	-	
Cộng				718.065.900.000	562.851.773.480	(47.381.773.480)	

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:

Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	31/12/2023		01/01/2023	
			Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	1.797.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	-	-	-	-	-

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

6.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Năm 2023		Năm 2022	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	(47.381.773.480)	(47.381.773.480)		
Trích lập dự phòng	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-	-	-
Số dư cuối năm	(47.381.773.480)	(47.381.773.480)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
7.1 Ngắn hạn	236.785.820.457	198.560.175.281
<i>Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>179.653.736.040</i>	<i>116.355.378.174</i>
BQL Dự án các công trình điện miền Trung	112.751.720.627	51.150.793.579
BQL Dự án các công trình điện miền Nam	35.999.467.103	49.202.959.637
BQL Dự án các công trình điện miền Bắc	30.902.548.310	16.001.624.958
Các khoản phải thu của khách hàng khác	57.132.084.417	82.204.797.107
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	741.137.204	27.609.525.563
<i>Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long</i>	<i>437.755.252</i>	<i>2.810.527.342</i>
<i>Tổng công ty Sông Đà - CTCP</i>	<i>303.381.952</i>	<i>21.096.894.639</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông</i>	-	<i>3.692.772.382</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei</i>	-	<i>9.331.200</i>
7.2 Dài hạn	15.254.846.385	25.420.604.825
Tổng công ty Sông Đà - CTCP (*)	15.254.846.385	25.420.604.825
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	15.254.846.385	25.420.604.825
<i>Tổng công ty Sông Đà - CTCP</i>	<i>15.254.846.385</i>	<i>25.420.604.825</i>

(*) Đây là các khoản phải thu liên quan đến việc thi công đường dây 230KV Xekaman 1 của công trình thủy điện Xekaman 1, trong đó, Tổng công ty Sông Đà - CTCP là nhà thầu chính, Công ty là nhà thầu phụ cho Tổng công ty. Công nợ phải thu sẽ được thanh toán sau khi chủ đầu tư quyết toán công trình với Tổng công ty và các nhà thầu phụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
8.1 Ngắn hạn	54.485.443.412	(13.336.382.541)	38.600.312.823	(6.284.596.390)
Phải thu về cổ tức được chia	13.375.092.678	-	8.048.576.000	-
Tạm ứng	12.704.813.046	-	8.187.489.030	-
Ký cược, ký quỹ	61.000.000	-	2.592.019.929	(236.326.000)
Phải thu của cán bộ công nhân viên	153.960.619	-	244.795.909	-
Phải thu tiền lãi cho vay	2.144.155.612	(644.249.540)	678.507.352	-
Phải thu các công trình giao khoán các đội	1.188.507.627	(1.093.670.790)	1.004.556.544	(999.966.824)
Tiền đền bù chi trả hộ các công trình	10.512.383.639	(5.804.303.950)	9.872.922.520	(4.555.686.539)
Phải thu khác	14.345.530.191	(5.794.158.261)	7.971.445.539	(492.617.027)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu các bên là bên liên quan	25.622.226.749	(5.675.662.432)	15.409.958.525	-
<i>Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long</i>	<i>12.247.134.071</i>	<i>(5.675.662.432)</i>	<i>7.361.382.525</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông</i>	<i>12.880.000.000</i>	-	<i>4.480.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư điện mặt trời</i>	<i>495.092.678</i>	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn</i>	-	-	<i>3.568.576.000</i>	-
8.2 Dài hạn	343.699.000	(206.326.000)	-	-
Ký cược, ký quỹ	343.699.000	(206.326.000)	-	-

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	(18.289.291.948)	(10.848.162.283)
Trích lập dự phòng	(9.410.251.172)	(7.441.129.665)
Hoàn nhập dự phòng	10.268.601.269	-
Xóa nợ	8.913.130	-
Số dư cuối năm	(17.422.028.721)	(18.289.291.948)
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(3.749.723.248)	(11.875.098.626)
- Phải thu khác	(13.336.382.541)	(6.048.270.390)
- Cầm cố ký quỹ ký cược	(206.326.000)	(236.326.000)
- Trả trước cho người bán	(129.596.932)	(129.596.932)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***10. NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	27.154.423.652	9.732.394.931	24.870.108.041	6.580.816.093
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	11.098.499.819	5.422.837.387	5.447.115.993	5.447.115.993
<i>Thời gian quá hạn: từ trên 06 tháng đến 12 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	5.651.383.826	3.955.968.678	2.402.552.691	2.402.552.691
<i>Thời gian quá hạn: từ trên 12 tháng đến 24 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	2.402.552.691	1.201.276.345	885.307.879	885.307.879
<i>Thời gian quá hạn: từ trên 24 tháng đến 36 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	885.307.879	265.592.364	2.159.255.423	2.159.255.423
<i>Thời gian quá hạn: từ trên 36 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	2.159.255.423	-	-	-
- Tổng công ty CP Xây dựng điện Miền Nam - Công trình 500KV Đầu nối Nhà máy điện Nghi Sơn 2	4.528.717.901	3.170.102.531		
<i>Thời gian quá hạn: từ trên 06 tháng đến 12 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	4.528.717.901	3.170.102.531	-	-
- Tổng công ty Sông Đà - CTCP	-	-	10.238.601.269	-
<i>Thời gian quá hạn: trên 36 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	-	-	10.238.601.269	-
- Các đối tượng khác	11.527.205.932	1.139.455.013	9.184.390.779	1.133.700.100

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.516.495.827	-	38.703.234.616	-
Công cụ, dụng cụ	298.626.137	-	201.508.137	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.000.848.415	-	63.093.702.820	-
Cộng	75.815.970.379	-	101.998.445.573	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dài hạn	389.692.753	1.269.175.008
Công cụ dụng cụ xuất dùng	106.123.320	40.108.740
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	40.668.599	663.532.934
Các khoản khác	242.900.834	565.533.334

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	10.663.617.000	10.663.617.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	10.663.617.000	10.663.617.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	10.663.617.000	10.663.617.000
Số cuối năm	10.663.617.000	10.663.617.000

Công ty đang thế chấp tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại BT03-VT24 - Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023 là 10.176.997.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MÃ SỐ B09 - DN**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	68.942.251.185	68.169.092.945	15.305.645.176	1.685.490.382	154.102.479.688
Tăng trong năm	-	388.850.000	1.464.449.563	-	1.853.299.563
Mua sắm	-	388.850.000	1.464.449.563	-	1.853.299.563
Giảm trong năm	-	696.132.143	353.554.545	-	1.049.686.688
Thanh lý, nhượng bán	-	696.132.143	353.554.545	-	1.049.686.688
Số cuối năm	68.942.251.185	67.861.810.802	16.416.540.194	1.685.490.382	154.906.092.563
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	39.190.645.635	49.399.858.184	13.188.777.953	1.401.517.791	103.180.799.563
Tăng trong năm	3.667.145.235	1.252.888.168	408.289.631	113.306.328	5.441.629.362
Khấu hao trong năm	3.667.145.235	1.252.888.168	408.289.631	113.306.328	5.441.629.362
Giảm trong năm	-	696.132.143	216.061.109	-	912.193.252
Thanh lý, nhượng bán	-	696.132.143	216.061.109	-	912.193.252
Số cuối năm	42.857.790.870	49.956.614.209	13.381.006.475	1.514.824.119	107.710.235.673
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	29.751.605.550	18.769.234.761	2.116.867.223	283.972.591	50.921.680.125
Số cuối năm	26.084.460.315	17.905.196.593	3.035.533.719	170.666.263	47.195.856.890

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 37.668.078.712 VND (tại ngày 01/01/2023 là 36.911.805.855 VND).

Công ty đang thế chấp tài sản cố định với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 109.479.997.021 VND và 39.219.876.243 VND để đảm bảo cho các khoản vay (tại ngày 01/01/2023 lần lượt là 112.801.861.614 VND và 45.938.096.629 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

MẪU SỐ B09 - DN

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
15.1 Ngắn hạn	83.160.798.423	83.160.798.423	42.076.880.978	42.076.880.978
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	44.357.879.871	44.357.879.871	11.147.480.285	11.147.480.285
Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh	31.693.281.982	31.693.281.982	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	6.602.589.658	6.602.589.658	10.403.319.639	10.403.319.639
Công ty Cổ phần Ánh sáng Kinh Bắc	6.062.008.231	6.062.008.231	744.160.646	744.160.646
Các đối tượng khác	38.802.918.552	38.802.918.552	30.929.400.693	30.929.400.693
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán là các bên liên quan	11.064.961.366	11.064.961.366	12.798.130.733	12.798.130.733
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	6.602.589.658	6.602.589.658	10.403.319.639	10.403.319.639
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.394.811.094	2.394.811.094	2.394.811.094	2.394.811.094
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	1.159.573.416	1.159.573.416	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	907.987.198	907.987.198	-	-
15.2 Dài hạn	8.721.788.269	8.721.788.269	16.785.424.345	16.785.424.345
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	2.214.431.577	2.214.431.577	5.235.628.613	5.235.628.613
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.214.431.577	2.214.431.577	5.235.628.613	5.235.628.613
Phải trả cho các đối tượng khác	6.507.356.692	6.507.356.692	11.549.795.732	11.549.795.732
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.428.874.511	3.428.874.511	10.027.891.714	10.027.891.714
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.214.431.577	2.214.431.577	5.235.628.613	5.235.628.613
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	438.161.193	438.161.193	2.650.203.551	2.650.203.551
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	776.281.741	776.281.741	2.142.059.550	2.142.059.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.695.619.272	12.104.282.264	12.923.442.761	876.458.775
Thuế thu nhập cá nhân	530.012.760	509.763.304	986.780.965	52.995.099
Thuế tài nguyên	561.068.014	5.379.134.781	5.879.049.683	61.153.112
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	54.954.061	44.922.816	70.673.232	29.203.645
Thuế bảo vệ môi trường	132.270.178	1.341.637.000	1.473.907.178	-
Các loại thuế, phí khác	120.344.756	745.016.043	795.349.930	70.010.869
Cộng	3.094.269.041	20.124.756.208	22.129.203.749	1.089.821.500
<i>Trong đó:</i>				
16.1 Phải nộp	3.372.785.045			1.368.337.504
16.2 Phải thu	278.516.004			278.516.004

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	19.444.065.750	9.920.867.700
Lãi vay phải trả	207.038.646	756.561.060
Chi phí các công trình phải trả	19.237.027.104	9.164.306.640

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	7.500.000	7.500.000
Các khoản khác	7.500.000	7.500.000

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	16.495.676.715	28.568.701.892
Kinh phí công đoàn	175.900.841	235.772.990
Bảo hiểm xã hội	77.026.188	147.015.112
Bảo hiểm y tế	9.061.439	-
Bảo hiểm thất nghiệp	367.521	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	589.415.398	601.556.398
Phải trả các đội tiền khoán công trình	14.393.456.752	17.011.277.396
Thủ lao người đại diện phần vốn của các công ty con	144.900.000	-
Ủy thác góp vốn của cán bộ công nhân viên	75.000.000	75.000.000
BQL DA các công trình điện miền Bắc	61.166.212	33.527.183
Các khoản phải trả, phải nộp khác	969.382.364	10.464.552.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND

20.1 Ngắn hạn	125.629.382.129	142.389.827.717
Các khoản vay	125.629.382.129	142.389.827.717
20.2 Dài hạn	14.225.000.000	49.951.162.860
Các khoản vay	14.225.000.000	49.951.162.860

a. Các khoản vay

	Trong năm		31/12/2023
	VND		VND
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ

Vay ngắn hạn	142.389.827.717	142.389.827.717	266.191.921.205	282.952.366.793	125.629.382.129	125.629.382.129
Vay ngắn hạn (*)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	52.017.208.717	52.017.208.717	188.912.322.513	174.425.064.401	66.504.466.829	66.504.466.829
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	83.723.938.040	83.723.938.040	68.744.598.692	99.033.621.432	53.434.915.300	53.434.915.300
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	358.680.960	358.680.960	8.535.000.000	3.203.680.960	5.690.000.000	5.690.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	5.690.000.000	5.690.000.000	-	5.690.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

MẪU SỐ B09 - DN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
a. Các khoản vay						
Vay dài hạn	49.951.162.860	49.951.162.860	47.860.000.000	83.586.162.860	14.225.000.000	14.225.000.000
Vay dài hạn ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông [1]	-	-	22.760.000.000	8.535.000.000	14.225.000.000	14.225.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	19.915.000.000	19.915.000.000	-	19.915.000.000	-	-
Vay dài hạn các tổ chức khác						
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	19.817.662.860	19.817.662.860	-	19.817.662.860	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	10.218.500.000	10.218.500.000	20.600.000.000	30.818.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

(*) Các khoản vay ngắn hạn được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của Ngân hàng. Mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh.

Chi tiết hợp đồng vay dài hạn còn số dư tại ngày 31/12/2023:**[1] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/177782/HĐTD ngày 08/5/2023:**

Số tiền vay	: 22.760.000.000 VND
Mục đích vay	: Cho vay trả nợ trước hạn Dự án Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai
Lãi suất vay	: Lãi suất thả nổi: Lãi suất cho vay trong hạn tối thiểu bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 2,7%/năm nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng và được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01/01, 01/4, 01/7 và ngày 01/10 hàng năm
Thời hạn vay	: 46 tháng
Kỳ trả nợ	: Theo lịch trả nợ
Tài sản đảm bảo	: Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Thác Trắng số CD61/EVNNPC-B9 ngày 01/4/2011 với Tổng công ty Điện lực Miền Bắc; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/7/2013, số 02 ngày 01/3/2017, số 03 ngày 16/5/2019 và số 04 ngày 25/5/2023.
Số phải trả tại 31/12/2023	: 19.915.000.000 VND
Số còn phải trả trong năm 2024	: 5.690.000.000 VND

c. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Các khoản vay	19.915.000.000	5.690.000.000	14.225.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	19.915.000.000	5.690.000.000	14.225.000.000	-
Cộng	19.915.000.000	5.690.000.000	14.225.000.000	-
Số đầu năm				
Các khoản vay	56.599.843.820	6.648.680.960	49.951.162.860	-
Vay dài hạn ngân hàng	26.563.680.960	6.648.680.960	19.915.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	30.036.162.860	-	30.036.162.860	-
Cộng	56.599.843.820	6.648.680.960	49.951.162.860	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***MÃ SỐ B09 - DN****2.1. VỐN CHỦ SỞ HỮU****BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	219.718.260.000	67.964.007.623	197.388.891.132	108.800.836.651	593.871.995.406
Tăng trong năm trước	-	-	-	64.863.450.097	64.863.450.097
Lãi trong năm	-	-	-	64.863.450.097	64.863.450.097
Giảm trong năm trước	-	-	-	35.279.159.333	35.279.159.333
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	35.279.159.333	35.279.159.333
Số đầu năm nay	219.718.260.000	67.964.007.623	197.388.891.132	138.385.127.415	623.456.286.170
Tăng trong năm nay	21.968.850.000	-	-	56.785.339.156	78.754.189.156
Tăng vốn	21.968.850.000	-	-	-	21.968.850.000
Lãi trong năm	-	-	-	56.785.339.156	56.785.339.156
Giảm trong năm nay	-	-	-	25.711.850.000	25.711.850.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	25.711.850.000	25.711.850.000
Số cuối năm nay	241.687.110.000	67.964.007.623	197.388.891.132	169.458.616.571	676.498.625.326

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần thường	
	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Energy Việt Nam	128.055.800.000	-
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	40.959.600.000	37.236.000.000
Các cổ đông khác	72.671.710.000	182.482.260.000
Cộng	241.687.110.000	219.718.260.000

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tại ngày 01/01	219.718.260.000	219.718.260.000
Tăng trong năm	21.968.850.000	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	21.968.850.000	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	241.687.110.000	219.718.260.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số đầu năm	138.385.127.415	108.800.836.651
Tăng trong năm	56.785.339.156	64.863.450.097
Lợi nhuận trong năm	56.785.339.156	64.863.450.097
Giảm trong năm	25.711.850.000	35.279.159.333
Chia cổ tức bằng tiền	-	32.957.739.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	21.968.850.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.243.000.000	1.821.420.333
Thưởng ban điều hành	500.000.000	500.000.000
Số cuối năm	169.458.616.571	138.385.127.415
c. Cổ phiếu	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.168.711	21.971.826
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.168.711	21.971.826
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.168.711</i>	<i>21.971.826</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.168.711	21.971.826
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.168.711</i>	<i>21.971.826</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

<u>Nợ khó đòi đã xử lý</u>	<u>31/12/2023</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2023</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	12.156.428.764	12.156.428.764
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423	1.261.738.423
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Các đối tượng khác	5.164.810.080	5.155.896.950
Cộng	<u>19.909.162.267</u>	<u>19.900.249.137</u>

23. DOANH THU

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	380.497.837.354	520.278.466.307
Doanh thu bán thành phẩm	17.232.482.406	24.788.722.332
Doanh thu hợp đồng xây dựng	356.391.373.261	483.254.536.879
Doanh thu khác	6.873.981.687	12.235.207.096
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>380.497.837.354</u>	<u>520.278.466.307</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.899.402.939	7.059.187.367
Giá vốn hợp đồng xây dựng	336.272.196.390	476.898.554.671
Giá vốn khác	6.307.379.619	11.605.086.294
Cộng	<u>349.478.978.948</u>	<u>495.562.828.332</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.025.156.320	1.705.188.383
Cổ tức được chia	81.883.203.815	86.183.127.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.775	10.069
Doanh thu hoạt động tài chính khác	174.814.770	172.665.375
Cộng	<u>85.083.193.680</u>	<u>88.060.990.827</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	12.693.311.340	16.140.014.507
Chi phí tài chính khác	4.255.665.374	3.124.749.266
Cộng	<u>16.948.976.714</u>	<u>19.264.763.773</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.989.744.008	47.389.981.861
Chi phí nhân viên quản lý	23.949.597.683	26.773.926.725
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(858.350.097)	7.441.129.665
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.898.496.422	13.174.925.471

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	174.000.000	32.818.512.962
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(137.493.436)	(6.644.641.801)
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(19.641.420)	-
Xử lý công nợ	184.510.311	140.865.852
Cộng	<u>201.375.455</u>	<u>26.314.737.013</u>

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phạt thuế, lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	463.306.662	495.299.846
Thuế nộp bổ sung cho mỏ đá Suối Nảy	7.317.557.840	-
Các khoản khác	798.503.161	1.414.768.420
Cộng	<u>8.579.367.663</u>	<u>1.910.068.266</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	163.064.666.421	214.211.181.243
Chi phí nhân công	70.779.039.232	129.340.695.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.441.629.362	7.028.402.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	119.929.280.445	147.262.053.150
Cộng	<u>359.214.615.460</u>	<u>497.842.333.015</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	56.785.339.156	70.526.551.915
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	8.906.128.837	1.045.245.229
Chi phí không được trừ khác	8.906.128.837	1.045.245.229
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	81.883.203.815	86.183.127.000
Cổ tức được chia	81.883.203.815	86.183.127.000
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	(16.191.735.822)	(14.611.329.856)
Trong đó:		
Lợi nhuận hoạt động chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (4a)	-	28.300.000.000
Lợi nhuận hoạt động chuyển nhượng bất động sản (4b)	-	(3.900.108.051)
Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh (4c)	(16.191.735.822)	(39.011.221.805)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (6a)=(4a)*(5)	-	5.660.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản (6b)=(4b)*(5)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh (6c)=(4c)*(5)	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (7)	-	3.101.818
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6a)+(6b)+(6c)+(7)	-	5.663.101.818

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Mã số 22 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác bao gồm khoản phải thu năm trước đã thanh toán trong năm nay, số tiền 3.149.280.000 VND.

Mã số 33 - Tiền thu từ đi vay và Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm khoản phân loại vay và nợ dài hạn sang vay và nợ ngắn hạn, số tiền 8.535.000.000 VND.

33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2023 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

34. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Công ty con		
Lãi vay phải thu		1.419.196.245	1.420.676.030
Lãi vay đã thu		5.097.583.027	-
Công ty con trả gốc vay		21.306.000.000	10.810.000.000
Doanh thu khác		23.530.197	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu tiền khác		25.883.217	63.256.000
Tiền lịch Tết đã thu		14.385.600	-
Thu lại tiền		-	240.000.000
Doanh thu bán vật tư, lịch Tết cho công ty con		-	13.320.000
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con		
Giao dịch bán hàng			
Doanh thu xây dựng		743.522.640	1.925.969.456
Thu tiền		25.824.098	240.504.368
Bù trừ công nợ phải thu với phải trả		-	429.410.677
Giao dịch mua hàng			
Chi phí xây lắp hoàn thành		1.726.655.932	4.181.658.457
Bù trừ phải thu với phải trả		111.362.383	2.139.769.865
Trả tiền		-	294.471.973
Chi phí tiếp địa phải thu		-	129.969.000
Cho công ty con vay		30.352.972.692	5.000.000.000
Công ty con trả gốc vay		2.100.000.000	-
Lãi vay phải thu		1.461.586.244	243.685.274
Phải thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng		174.814.770	-
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng		-	172.665.375
Cho thuê Văn phòng		-	294.545.454
Gán trừ công nợ 03 bên		3.346.941.401	2.269.738.865
Bù trừ công nợ		-	2.197.893.823
Xử lý quyết toán công trình Dốc Sỏi Pleiku 2		-	1.070.936.700
Gán trừ tiền phải thu vật tư công trình Mỹ Tho - Đức Hòa với phải trả công ty khác		4.741.514	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Công ty con		
Vay công ty con		-	25.300.000.000
Trả tiền vay vốn công ty con		19.817.662.860	19.116.337.140
Lãi vay phải trả công ty con		934.058.261	1.225.384.269
Lãi vay đã trả công ty con		1.566.183.180	1.143.390.438
Cổ tức phải thu		8.111.385.000	13.518.975.000
Cổ tức đã thu		8.111.385.000	18.926.565.000
Doanh thu khác		23.530.197	8.640.000
Bù trừ công nợ phải thu với phải trả		-	9.331.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	Công ty con		
Vay vốn		4.500.000.000	-
Trả tiền vay vốn		4.500.000.000	-
Tiền lãi vay phải trả		73.034.760	-
Tiền lãi vay đã trả		73.034.760	-
Tiền cổ tức phải thu		5.448.300.000	-
Tiền cổ tức đã thu		5.448.300.000	-
Doanh thu khác		23.530.197	8.640.000
Trả tiền		25.883.217	8.890.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	Công ty con		
Doanh thu bán hàng		-	33.240.000
Bù trừ công nợ		-	743.047.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vay vốn của công ty con		20.600.000.000	3.000.000.000
Trả gốc vay bằng tiền		1.500.000.000	-
Lãi vay phải trả		346.996.380	1.621.557.874
Lãi vay đã trả		1.650.000.000	-
Cổ tức được nhận		52.706.500.000	65.527.000.000
Thu tiền cổ tức		16.546.069.618	65.527.000.000
Bù trừ công nợ phải thu tiền cổ tức với vay		29.318.500.000	31.857.000.000
Bù trừ tiền phải thu cổ tức với phải trả khác		6.346.837.704	-
Doanh thu bán vật tư		-	283.681.264
Doanh thu khác		23.530.197	365.832.751
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con		
Cổ tức được nhận		7.137.152.000	7.137.152.000
Thu tiền cổ tức		10.705.728.000	7.137.152.000
Doanh thu khác		23.530.197	-
Thu tiền phải thu khác		25.883.217	-
Công ty TNHH Năng lượng SJE	Công ty con		
Cho thuê văn phòng		30.555.556	-

Số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại thuyết minh số 6, 7, 8, 16, 20, 21, 22.

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Xuân Hồng <i>(từ 30/12/2022)</i>	Chủ tịch HĐQT	605.505.110	-
Ông Nguyễn Văn Sơn <i>(đến 30/12/2022)</i> <i>(từ 30/12/2022 đến 31/3/2023)</i>	Chủ tịch HĐQT	34.000.000	337.000.000
Ông Trần Văn Ngư <i>(đến 30/12/2022)</i>	Thành viên HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT	-	558.790.891
Ông Lê Văn Tuấn <i>(Từ 01/10/2023)</i>	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	455.485.198	775.289.545
Ông Vũ Trọng Vinh <i>(Từ 02/10/2023)</i>	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	-	-
Ông Phạm Việt Cường <i>(đến 30/12/2022)</i>	Thành viên HĐQT	135.000.000	-
Ông Đào Việt Hùng <i>(từ 30/12/2022)</i>	Thành viên HĐQT	-	161.600.000
Ông Phạm Minh Ngọc <i>(đến 31/3/2023)</i>	Thành viên HĐQT	96.000.000	-
Ông Bùi Đức Thuận <i>(từ 31/3/2023)</i>	Thành viên HĐQT	32.000.000	161.600.000
Ông Nguyễn Văn Hiếu <i>(từ 31/3/2023)</i>	Thành viên HĐQT	72.000.000	-
Ông Phạm Lạp	Thành viên HĐQT	72.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	333.544.412	430.015.005
Ông Phạm Văn Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	333.519.931	441.703.494
	Phó Tổng Giám đốc	305.749.884	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
(từ 05/01/2023)			
Ông Bùi Thọ Sang	Phó Tổng Giám đốc	155.272.727	-
(từ 11/7/2023)			
Ông Nguyễn Vũ Hải	Trưởng BKS	-	317.271.041
(đến 30/12/2022)			
Ông Bùi Quang Chung	Trưởng BKS	298.871.679	-
(từ 30/12/2022)			
Bà Hà Hồng Nhung	Thành viên BKS	-	70.200.000
(đến 11/7/2022)			
Ông Trịnh Trọng Hùng	Thành viên BKS	63.000.000	36.000.000
(từ 11/7/2022)			
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên BKS	-	106.200.000
(đến 30/12/2022)			
Ông Đoàn Hải Trung	Thành viên BKS	60.000.000	-
(từ 30/12/2022)			

35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận xây lắp, bộ phận thủy điện, bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận xây lắp: Thi công các công trình điện;
- Bộ phận thủy điện: Bán điện thương phẩm;
- Bộ phận khác: Đầu tư vào các công ty con và khoản đầu tư dài hạn khác để được hưởng cổ tức, cung cấp điện, nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023

	Xây lắp	Thủy điện	Khác	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	456.015.289.114	31.752.519.200	564.648.773.480	1.052.416.581.794
Tài sản không phân bổ				-
Cộng				1.052.416.581.794
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	375.045.632.617	872.323.851	-	375.917.956.468
Nợ phải trả không phân bổ				-
Cộng				375.917.956.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2023**

				Đơn vị tính: VND
	<u>Xây lắp</u>	<u>Thủy điện</u>	<u>Khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần	356.391.373.261	17.232.482.406	6.873.981.687	380.497.837.354
Giá vốn hàng bán	336.272.196.390	6.899.402.939	6.307.379.619	349.478.978.948
Chi phí không phân bổ				33.989.744.008
Doanh thu hoạt động tài chính				85.083.193.680
Chi phí tài chính				16.948.976.714
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				65.163.331.364
Lãi (lỗ) khác				(8.377.992.208)
Lợi nhuận trước thuế				56.785.339.156
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế				<u>56.785.339.156</u>

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 01/01/2023

				Đơn vị tính: VND
	<u>Xây lắp</u>	<u>Thủy điện</u>	<u>Khác</u>	<u>Cộng</u>
Tài sản				
Tài sản bộ phận	380.787.995.030	36.861.041.672	562.592.204.720	980.241.241.422
Tài sản không phân bổ				-
Cộng				<u>980.241.241.422</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	355.488.328.552	1.296.626.700	-	356.784.955.252
Nợ phải trả không phân bổ				-
Cộng				<u>356.784.955.252</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2022

				Đơn vị tính: VND
	<u>Xây lắp</u>	<u>Thủy điện</u>	<u>Khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần	483.254.536.879	24.788.722.332	12.235.207.096	520.278.466.307
Giá vốn hàng bán	476.898.554.671	7.059.187.367	11.605.086.294	495.562.828.332
Chi phí không phân bổ				47.389.981.861
Doanh thu hoạt động tài chính				88.060.990.827
Chi phí tài chính				19.264.763.773
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				46.121.883.168
Lãi (lỗ) khác				24.404.668.747
Lợi nhuận trước thuế				70.526.551.915
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				5.663.101.818
Lợi nhuận sau thuế				<u>64.863.450.097</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

36. THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/9/2023, Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT ngày 09/01/2024 của Hội đồng quản trị, Công ty thông qua đề án cấu trúc Chi nhánh, thành lập đơn vị trực thuộc và Công ty con như sau:

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính
A Các đơn vị trực thuộc		
1 Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 1/9 đường Giang Văn Minh, Khu phố 4, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Văn phòng đại diện
2 Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Thành phố Đà Nẵng	Số 34 đường Phạm Viết Chánh, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Văn phòng đại diện
B Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hải Phòng	Số 10 Hồ Xuân Hương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Xây lắp

Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn Tỷ lệ lợi ích Tỷ lệ quyền biểu quyết
B Các công ty con				
1 Công ty TNHH Sông Đà 11.1	Thôn Tân Sơn, Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	3.000.000.000	Xây lắp	100%
2 Công ty TNHH Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Số 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	Xây lắp	100%
3 Công ty TNHH Sông Đà 11 Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	3.000.000.000	Xây lắp	100%

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Phan Ngọc Mạnh

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Trọng Vinh